

**TỈNH ỦY BẮC KẠN**

\*

Số 493-BC/TU

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

*Bắc Kạn, ngày 25 tháng 10 năm 2020*

**NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, SỨC CHIẾN ĐẤU  
CỦA TOÀN ĐẢNG BỘ; PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG,  
BẢN SẮC VĂN HÓA VÀ ĐẠI ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC;  
HUY ĐỘNG, SỬ DỤNG CÓ HIỆU QUẢ MỌI NGUỒN LỰC; QUYẾT TÂM  
XÂY DỰNG TỈNH BẮC KẠN PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG**

*(Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI trình Đại hội  
đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025)*

-----

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ XII là sự kiện chính trị quan trọng có ý nghĩa to lớn đối với Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Đại hội sẽ tiến hành đánh giá toàn diện kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, đồng thời xác định và quyết nghị thông qua mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2020 - 2025; đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội XIII của Đảng; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII và bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Phương châm chỉ đạo của Đại hội: **“Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển”**.

**Phần thứ nhất**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH  
LẦN THỨ XI, NHIỆM KỲ 2015 - 2020**

Quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2015 - 2020 diễn ra trong bối cảnh tình hình chính trị, xã hội nước ta cơ bản ổn định. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đã nỗ lực phấn đấu và đạt được những thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố, dân chủ xã hội chủ nghĩa tiếp tục được phát huy. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được đẩy mạnh toàn diện, quyết liệt, đạt nhiều kết quả tích cực, tạo lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước. Bên cạnh đó, còn một số khó khăn tác động đến tỉnh như kinh tế thế giới phục hồi chậm, chiến tranh thương mại xảy ra ở một số nước; tình hình dịch bệnh bùng phát, diễn biến phức tạp... Kinh tế vĩ mô trong nước phát triển chưa thật sự bền vững. Bắc Kạn có xuất phát điểm thấp, kinh tế còn nhiều khó khăn, sản xuất nông nghiệp hàng hoá, công nghiệp - dịch vụ phát triển chậm và thiếu ổn định. Tình hình thời tiết, dịch bệnh diễn biến phức tạp nhất là dịch tả lợn Châu Phi; dịch Covid-19 đã tác động không nhỏ tới mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trước những thuận lợi, khó khăn nêu trên, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã nỗ lực khắc phục khó khăn, đoàn kết và quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI. Các cấp ủy trong toàn Đảng bộ đã từng bước đổi mới công tác lãnh đạo, điều hành trên cơ sở

vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước để tập trung triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ. Đặc biệt, năm 2016 Tỉnh ủy đã ban hành 5 nghị quyết để tổ chức thực hiện 4 chương trình trọng tâm và các đề án về tổ chức bộ máy, công tác cán bộ cùng nhiều quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội nên những kết quả đạt được trong 5 năm qua đã tạo tiền đề quan trọng để Bắc Kạn trở thành tỉnh phát triển khá trong khu vực. Cùng với đó, các cấp, các ngành của tỉnh đã tập trung điều hành, tháo gỡ khó khăn, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh, ứng dụng tiến bộ khoa học để nâng cao năng suất, chất lượng các sản phẩm; chú trọng cải cách hành chính, tổ chức bộ máy, tăng cường kỷ luật, kỷ cương và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu. Nhiều công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu được đầu tư xây dựng; bộ mặt đô thị, nông thôn ngày càng khởi sắc; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Tiềm lực quốc phòng, an ninh được củng cố, tăng cường. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từng bước đổi mới, tiến bộ; việc tăng cường đoàn kết các dân tộc không ngừng được phát huy. Kết quả cụ thể trên các lĩnh vực như sau:

## I. VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM LÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

### 1. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng, cơ cấu kinh tế bước đầu có chuyển dịch tích cực nhưng thu ngân sách chưa đạt chỉ tiêu đề ra

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2015 - 2020 đạt 5,3%/năm, không đạt mục tiêu đề ra. GRDP đến năm 2020 ước đạt 12.840 tỷ đồng, tăng 1,5 lần so với năm 2015; GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt trên 40 triệu đồng/người, đạt 102% mục tiêu.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng khu vực dịch vụ, công nghiệp - xây dựng và giảm dần tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp. Đến năm 2020, ngành nông lâm nghiệp, thủy sản chiếm 28,2%; công nghiệp - xây dựng chiếm 15,2%; dịch vụ chiếm 53,3%. So với năm 2015, tỷ trọng ngành nông lâm nghiệp giảm 4,9%; công nghiệp - xây dựng tăng 0,9%; dịch vụ tăng 3,9%.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 5,4%/năm. Năm 2020 thu ngân sách ước đạt trên 670 tỷ đồng, bằng 61% kế hoạch. Chi ngân sách được quản lý chặt chẽ, hiệu quả và tiết kiệm, thực hiện tốt các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện chương trình giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới.

Tuy nhiên, tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, chưa rõ nét. Tỷ trọng ngành Công nghiệp - Xây dựng chưa đạt mục tiêu đề ra (15,2/20%). Quy mô, hiệu quả kinh tế, chất lượng, sức cạnh tranh của hàng hóa còn thấp so với các tỉnh trong khu vực và cả nước. Phát triển công nghiệp, sản xuất hàng hóa trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, du lịch chưa tương xứng với tiềm năng. Thu ngân sách chưa đạt mục tiêu đề ra. Nguyên nhân là do điều kiện tự nhiên, xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn hơn so với mặt bằng chung của cả nước. Điều kiện địa lý, giao thông không thuận lợi nên chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư lớn. Số lượng và chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh còn hạn chế.

## **2. Sản xuất nông, lâm nghiệp có chuyển biến theo hướng tích cực; Chương trình xây dựng nông thôn mới vượt kế hoạch đề ra**

Ngành nông lâm nghiệp tăng trưởng bình quân 2,4%/năm. Bước đầu hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung, chế biến nông sản và tổ chức sản xuất có liên kết trong khu vực nông thôn. Năng suất, sản lượng lúa tăng 4,6%, ngô tăng 6,2%. Sản lượng lương thực có hạt bình quân đạt 178,5 nghìn tấn/năm, đạt 102% kế hoạch; bình quân lương thực đầu người đạt 560kg/người/năm, góp phần quan trọng đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn tỉnh.

Một số diện tích trồng lúa, ngô kém hiệu quả đã được chuyển đổi sang cây trồng khác có giá trị kinh tế cao; tổng diện tích chuyển đổi 4.319 ha. Các giống lúa đặc sản, chất lượng cao góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, giá trị trên một đơn vị diện tích, đáp ứng nhu cầu của thị trường. Đến nay, đã hình thành một số vùng trồng rau chuyên canh. Các loại cây đặc sản có thể mạnh của tỉnh như Cam, Quýt, Chè, Hồng không hạt... từng bước được thâm canh, tăng dần năng suất, chất lượng sản phẩm; một số diện tích đã được cấp chứng nhận VietGAP, được chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và chứng nhận sản xuất hữu cơ. Một số sản phẩm đã khẳng định được thương hiệu trên thị trường trong nước và quốc tế.

Công tác trồng rừng được quan tâm chỉ đạo, giai đoạn 2015 - 2020 toàn tỉnh trồng mới được 32,7 nghìn ha, đạt 107% kế hoạch. Trong đó, diện tích trồng rừng gỗ lớn 17.619/15.000 ha, đạt 117% so với kế hoạch; thực hiện cấp chứng chỉ rừng FSC cho 322 chủ rừng với tổng diện tích là 921 ha. Công tác chăm sóc, giao khoán, khoanh nuôi bảo vệ rừng được thực hiện đúng quy định. Công tác quản lý, bảo vệ rừng cơ bản được thực hiện tốt; công tác tuyên truyền, kiểm tra được thực hiện thường xuyên, các vụ vi phạm được phát hiện kịp thời và xử lý theo đúng quy định góp phần nâng tỷ lệ che phủ rừng lên 72,9%, vượt kế hoạch đề ra.

Công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được thực hiện có hiệu quả, kịp thời khắc phục khi thiên tai xảy ra trên địa bàn, sớm ổn định đời sống nhân dân sau thiên tai.

Chương trình xây dựng nông thôn mới được quan tâm thực hiện. Phong trào thi đua “Bắc Kạn chung sức xây dựng nông thôn mới” được thực hiện đồng bộ, rộng khắp với nhiều nội dung phù hợp, theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”. Bằng các nguồn vốn thực hiện chương trình, đã có trên 1.200 công trình hạ tầng nông thôn được đầu tư, cải tạo; 145 mô hình và 81 dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm được hỗ trợ. Đến hết năm 2020, toàn tỉnh có 23 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đến nay đã công bố 19 xã; dự kiến trong năm 2020 công bố thêm 4 xã. Do một số xã được sáp nhập theo Nghị quyết số 855/NQ-UBTVQH14 nên sau khi rà soát, còn 19 xã đạt chuẩn), bình quân mỗi xã đạt 11,3 tiêu chí, vượt kế hoạch đề ra.

Đề án mỗi xã, phường một sản phẩm (OCOP) được triển khai khá hiệu quả, đến nay đã công nhận 140 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên. Một số sản phẩm thông qua chương trình đã trở thành hàng hóa có giá trị kinh tế được thị trường đón nhận như Gạo Khẩu Nua Lếch, miến dong, tinh bột nghệ Curcumin. Qua đó, đời

sống vật chất của người dân nông thôn từng bước được nâng lên, bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới.

Bên cạnh đó, tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp chưa đạt kế hoạch đề ra. Công tác quy hoạch vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với cây trồng có thể mạnh còn chậm. Mấu mã, bao bì, chất lượng một số sản phẩm chưa thật sự đáp ứng nhu cầu của thị trường. Chuỗi liên kết sản xuất với tiêu thụ còn yếu. Việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn chậm. Công tác quản lý giống, vật tư có nơi chưa được coi trọng. Một số địa phương còn để xảy ra tình trạng khai thác, phá rừng trái phép, có vụ nghiêm trọng. Việc huy động nguồn lực ngoài ngân sách xây dựng nông thôn mới còn khó khăn. Công tác tuyên truyền, triển khai các chủ trương, chính sách ở một số địa phương còn hạn chế, nhất là công tác vận động tuyên truyền người dân tham gia thực hiện các tiêu chí không cần nguồn lực đầu tư chưa quyết liệt (như tiêu chí về môi trường, văn hóa).

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên là do công tác thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp còn yếu. Kết cấu hạ tầng và dịch vụ nông nghiệp, nông thôn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Bên cạnh đó, thời tiết, thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp, nhất là mưa đá, đông lốc; dịch tả lợn Châu Phi, dịch Covid-19 đã ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất và đời sống của nhân dân. Nguồn lao động nông thôn ngày một giảm nên thiếu lao động sản xuất nông - lâm nghiệp. Một bộ phận người dân còn tâm lý trông chờ, ỷ lại vào các nguồn vốn đầu tư công và sự hỗ trợ của Nhà nước.

### **3. Công nghiệp - Xây dựng tăng trưởng khá nhưng chưa ổn định, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư song chưa đáp ứng yêu cầu phát triển**

Tăng trưởng ngành công nghiệp đạt bình quân 10,5%/năm, vượt kế hoạch đề ra; năng suất lao động khu vực công nghiệp đạt 65 triệu đồng/lao động bằng 114% năng suất chung cả tỉnh. Trong cơ cấu nội ngành công nghiệp thì công nghiệp khai khoáng chiếm tỷ trọng cao nhất, tuy nhiên công nghiệp chế biến có xu hướng phát triển dần trở thành ngành công nghiệp chính của tỉnh. Một số dự án được đầu tư hoàn thành đã góp phần nâng cao giá trị sản xuất như nhà máy chế biến gỗ của Công ty Cổ phần Govina, Công ty trách nhiệm hữu hạn Lechenwood Việt Nam, nhà máy chế biến nông sản của Công ty cổ phần Misaki tại khu công nghiệp Thanh Bình. Một số sản phẩm nông, lâm sản qua chế biến của tỉnh đã có thị trường ổn định như miến dong, tinh bột nghệ được tiếp tục đầu tư phát triển.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản được tổ chức thực hiện có hiệu quả. Việc thu hút, quản lý, sử dụng các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được tăng cường. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trong nhiệm kỳ ước đạt trên 24.000 tỷ đồng, bình quân hằng năm tăng 10,7%/năm. Trong đó, nguồn vốn ngân sách nhà nước khoảng 11.580 tỷ đồng, chiếm 48% tổng kế hoạch vốn, trong đó vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước tỉnh quản lý trên 7.030 tỷ đồng, nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước 12.420 triệu đồng, chiếm gần 52% tổng kế hoạch vốn. Tỷ lệ giải ngân các nguồn vốn bình quân hằng năm đạt trên 80%. Công tác quản lý nhà nước về chất lượng công trình được quan tâm. Các chủ đầu tư thực hiện khá nghiêm túc quy định của Luật đầu tư công và các quy định liên quan. Các dự án được phê duyệt cơ

bản phù hợp với khả năng cân đối vốn ngân sách nhà nước, tránh tình trạng dàn trải, giảm hiệu quả đầu tư và lãng phí nguồn lực Nhà nước. Đến nay, tỉnh đã giải quyết xong số nợ đọng xây dựng cơ bản các năm trước.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh được đầu tư xây dựng tương đối đồng bộ. Tuyến Quốc lộ 3 mới Thái Nguyên - Chợ Mới (Bắc Kạn), dự án cải tạo nâng cấp ĐT258B, ĐT254 được đầu tư hoàn thành. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có trên 3.000km đường giao thông, bao gồm 5 tuyến quốc lộ, 13 tuyến đường tỉnh, 67 tuyến đường huyện và 1.660km đường xã, thôn bản. 100% số xã có điện lưới quốc gia. Hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo phục vụ tưới cho hơn 20.000 ha đất nông nghiệp và nuôi thủy sản.

Tuy đạt được kết quả khá nhưng công nghiệp tăng trưởng chưa ổn định, quy mô và giá trị sản xuất công nghiệp chưa cao. Các cụm công nghiệp chưa được đầu tư. Tỉnh chưa thu hút được dự án công nghiệp lớn sử dụng công nghệ hiện đại. Cơ cấu ngành công nghiệp chủ yếu là khai thác khoáng sản với các mỏ nhỏ lẻ, trữ lượng thấp, công nghệ khai thác lạc hậu. Công nghiệp chế biến chủ yếu theo hình thức gia công, bán sản phẩm thô nên giá trị gia tăng thấp, hiệu quả chưa cao. Một số dự án tại khu công nghiệp Thanh Bình dừng hoạt động do năng lực của chủ đầu tư hạn chế. Thu hút các nguồn vốn đầu tư xã hội còn khó khăn nên kết cấu hạ tầng chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu. Giao thông kết nối với các trung tâm kinh tế lớn, giao thông nông thôn còn hạn chế. Còn 147 thôn, bản, nhóm hộ chưa có điện lưới quốc gia. Một số công trình hạ tầng xuống cấp nhưng chưa được sửa chữa kịp thời.

Nguyên nhân chủ yếu là do điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn. Địa hình nhiều đồi núi cao nên suất đầu tư lớn, hạ tầng giao thông không thuận lợi cho phát triển công nghiệp. Công tác thu hút đầu tư chưa đồng bộ; chất lượng nguồn nhân lực thấp nên khó thu hút được các nguồn vốn đầu tư.

#### **4. Hoạt động thương mại, dịch vụ và du lịch phát triển ổn định**

Khu vực dịch vụ tăng trưởng bình quân 6,3%/năm. Hệ thống chợ, trung tâm thương mại, siêu thị hoạt động ổn định; thị trường hàng hóa phong phú, đa dạng; các mặt hàng thiết yếu được cung ứng đầy đủ, cơ bản đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Tổng mức lưu chuyển bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng hằng năm tăng bình quân 7,72%, đến năm 2020 đạt trên 6.140 tỷ đồng; lạm phát được kiểm soát, chỉ số tăng giá tiêu dùng CPI trên địa bàn tỉnh ổn định dưới 4%.

Dịch vụ tài chính tiền tệ, hoạt động ngân hàng có hiệu quả, bảo đảm nguồn tín dụng cho phát triển sản xuất. Tổng huy động vốn bình quân tăng 16,01%/năm, đến năm 2020 đạt 8.068 tỷ đồng. Tổng dư nợ tín dụng bình quân tăng 7,8%/năm, đến năm 2020 đạt 10.390 tỷ đồng. Dư nợ xấu hàng năm dưới 3% tổng dư nợ.

Các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm được quan tâm chỉ đạo. Tỉnh đã tích cực hỗ trợ các đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tìm kiếm thị trường, kết nối tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là mở rộng thị trường cho nông sản. Nhiều sản phẩm của tỉnh đã được kết nối với các cửa hàng, siêu thị, đơn vị phân phối tại các thành phố lớn.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đến năm 2020 ước đạt 10 triệu USD, trong đó xuất khẩu tăng bình quân 67,29%/năm. Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu là tinh quặng chì, than

củi, gỗ ván dán, bột đá cacbonat, mơ tươi đã qua sơ chế... Sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất chế biến sâu khoáng sản và nông, lâm sản.

Công tác xúc tiến đầu tư, phát triển du lịch được quan tâm. Tỉnh đã tổ chức nhiều hội nghị chuyên đề, hội nghị xúc tiến đầu tư, quảng bá phát triển du lịch tỉnh Bắc Kạn, qua đó đã thu hút được một số dự án đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn. Dự án đầu tư khu du lịch sinh thái Sài Gòn - Ba Bể hoàn thành trong năm 2019 đã góp phần nâng cao chất lượng hệ thống lưu trú phục vụ du lịch của tỉnh và tạo ra sức lan tỏa cho đầu tư phát triển du lịch. Hiện nay, các doanh nghiệp lữ hành đã mở nhiều tour, tuyến du lịch liên vùng kết nối đến các điểm du lịch của Bắc Kạn như ATK Chợ Đồn, Hồ Ba Bể. Nhiệm kỳ qua, số khách du lịch đến Bắc Kạn đạt trên 2,4 triệu lượt người, bình quân hàng năm tăng 10%; doanh thu ngành du lịch đạt 1.636 tỷ đồng, tăng 76% so với giai đoạn 2011 - 2015.

Du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Nhiều tuyến du lịch sinh thái tiềm năng chưa được đầu tư phát triển. Công tác quản lý du lịch, nhất là công tác bảo đảm vệ sinh môi trường khu du lịch Ba Bể còn hạn chế. Hạ tầng cơ sở phục vụ du lịch chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Cơ sở lưu trú chất lượng thấp, chưa có tính kết nối, một số nơi phát triển tự phát, quy mô nhỏ. Chưa có dịch vụ vui chơi giải trí, thương mại phục vụ và giữ chân du khách; chất lượng phục vụ chưa cao.

Những hạn chế nêu trên là do kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông của tỉnh chưa thực sự thuận lợi. Tỉnh chưa có cơ chế khuyến khích đầu tư đủ mạnh để thu hút các nhà đầu tư lớn. Nguồn nhân lực trong ngành du lịch còn thiếu và chưa đồng đều về chuyên môn nghiệp vụ. Việc đầu tư cho hạ tầng du lịch còn ít; sự phối hợp giữa các cấp, các ngành còn chưa chặt chẽ.

### **5. Công tác lập quy hoạch, quản lý và thực hiện quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, thu hút các nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng có chuyển biến tiến bộ**

Tỉnh đã lập và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, từ đó làm cơ sở xây dựng các quy hoạch chi tiết phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương. Đồng thời, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Kạn đến năm 2035; phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong nhiệm kỳ, các cấp các ngành trong tỉnh thực hiện quản lý 176 quy hoạch các loại; trong đó 09 quy hoạch tổng thể, 09 quy hoạch sử dụng đất, 09 quy hoạch đô thị, 39 quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm và 110 quy hoạch xây dựng nông thôn mới, tạo hành lang pháp lý cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp và cộng đồng thực hiện các dự án đầu tư phát triển sản xuất và hạ tầng kinh tế - xã hội.

Công tác quản lý, thực hiện quy hoạch cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển của các địa phương. Tổng vốn đầu tư phát triển xã hội ngoài ngân sách nhà nước đã thực hiện đạt trên 12.420 tỷ đồng, tăng bình quân trên 10%/năm.

Tuy nhiên, việc lập quy hoạch xây dựng chưa đồng bộ. Công tác điều chỉnh quy hoạch xây dựng, nhất là điều chỉnh cục bộ, quy hoạch chi tiết chưa có tính hệ

thông. Một số địa phương chưa triển khai lập quy hoạch chi tiết sau khi đồ án quy hoạch chung được phê duyệt; việc cắm mốc giới quy hoạch ngoài thực địa chưa được triển khai đầy đủ. Công tác quản lý đầu tư xây dựng thực hiện theo quy hoạch xây dựng còn thiếu kiểm soát chặt chẽ, tình trạng san ủi, xây dựng công trình nhà ở không cấp phép, sai giấy phép xây dựng và sai quy hoạch xây dựng còn diễn ra ở một số địa phương.

Nguyên nhân của các hạn chế nêu trên là do công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục về pháp luật xây dựng chưa sâu rộng; sự phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành và địa phương chưa thường xuyên và chặt chẽ. Nhận thức và chuyên môn nghiệp vụ về quy hoạch, quản lý quy hoạch và thực thi nhiệm vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức chưa cao. Nguồn lực bố trí cho công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch còn hạn chế. Một bộ phận người dân chưa chấp hành nghiêm quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng.

#### **6. Sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và hợp tác xã có bước phát triển; công tác xúc tiến đầu tư đạt hiệu quả**

Số lượng và chất lượng các doanh nghiệp từng bước được nâng lên. Đến năm 2020, toàn tỉnh có trên 1.100 doanh nghiệp hoạt động, tăng 494 doanh nghiệp so với năm 2015. Ngoài ra, tỉnh đã thực hiện xong việc cổ phần hóa, thoái vốn tại các công ty.

Công tác phát triển kinh tế tập thể, xây dựng hợp tác xã kiểu mới trên địa bàn đạt kết quả khá. Toàn tỉnh đã thành lập mới 147 hợp tác xã nông nghiệp, vượt kế hoạch đề ra. Tổng số hợp tác xã hoạt động trên địa bàn tỉnh là 221 hợp tác xã. Một số hợp tác xã nông lâm nghiệp hoạt động thực sự hiệu quả, mang lại thu nhập khá cho thành viên.

Công tác xúc tiến đầu tư được các cấp, các ngành quan tâm và thực hiện có hiệu quả. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tăng dần qua các năm. Công tác hỗ trợ doanh nghiệp được quan tâm chỉ đạo và có chuyển biến tích cực. Môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh cơ bản thuận lợi cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư. Đến hết năm 2020 có trên 105 dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đăng ký trên 10.000 tỷ đồng.

Tuy chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tăng nhưng thứ hạng chưa được cải thiện. Một số đơn vị chậm thực hiện giải quyết và hỗ trợ các thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp, do đó mức độ hài lòng còn thấp. Việc thu hút các dự án có quy mô lớn còn hạn chế. Một số dự án sau xúc tiến đầu tư triển khai còn chậm.

Quy mô các doanh nghiệp, hợp tác xã của tỉnh còn nhỏ nên sức cạnh tranh thấp, khó tìm thị trường ổn định cho sản phẩm. Nguyên nhân là do năng lực quản trị nhìn chung còn hạn chế; liên kết giữa các thành viên chưa chặt chẽ; việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chưa đáp ứng được yêu cầu.

#### **7. Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường có chuyển biến tích cực**

Công tác quản lý nhà nước về đất đai được quan tâm chỉ đạo. Các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được triển khai thực hiện khá đầy đủ, kịp thời. Công tác quản lý nhà nước về môi trường, tài

nguyên nước được quan tâm chỉ đạo, thực hiện khá hiệu quả việc phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường. Việc thăm định, cấp phép thăm dò và khai thác khoáng sản được thực hiện đúng quy định.

Bên cạnh đó, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở một số địa phương còn chậm, vẫn còn tình trạng tự ý chuyển mục đích sử dụng đất. Công tác giải quyết tranh chấp đất tại các lâm trường chưa dứt điểm. Tình trạng đổ đất đá thải, xả rác thải gây ô nhiễm môi trường còn diễn ra ở một số nơi. Hiện tượng vận chuyển khoáng sản trái phép còn xảy ra; công tác đóng cửa mỏ của một số doanh nghiệp chưa kịp thời.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên là do một số địa phương chưa thực sự sâu sát, thiếu quyết liệt trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ tài nguyên, môi trường. Công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan chuyên môn và một số đơn vị, địa phương hiệu quả chưa cao.

## **8. Khoa học công nghệ có nhiều đổi mới; công tác ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đạt kết quả khá**

Trong nhiệm kỳ, ngành Khoa học và Công nghệ đã triển khai thực hiện 42 đề tài, dự án. Nhiều kết quả nghiên cứu có giá trị được ứng dụng trong sản xuất và đời sống. Một số đề tài, dự án thuộc lĩnh vực nông lâm nghiệp đã mang lại hiệu quả thiết thực, bước đầu tạo thành vùng sản xuất hàng hóa có giá trị, góp phần tích cực trong công tác giảm nghèo. Công tác xây dựng chứng nhận chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể được quan tâm, qua đó đã góp phần tuyên truyền quảng bá có hiệu quả các sản phẩm tới người tiêu dùng.

Công tác đầu tư tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu đổi mới công nghệ còn nhiều khó khăn. Công nghệ sản xuất của đa số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn lạc hậu. Thị trường khoa học và công nghệ chưa phát triển. Tỉnh chưa có cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ. Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên là do điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn; ngân sách địa phương chưa cân đối được cho nhiệm vụ tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ, việc huy động nguồn lực xã hội vào lĩnh vực khoa học và công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu. Việc lựa chọn đề tài, dự án nghiên cứu chưa gắn với tổ chức, cá nhân sản xuất trực tiếp nên việc chuyển giao, nhân rộng hiệu quả chưa cao.

## **II. VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ - XÃ HỘI**

### **1. Công tác giảm nghèo, thực hiện chính sách an sinh xã hội, lao động, việc làm, phòng chống tệ nạn xã hội cơ bản đạt mục tiêu đề ra**

Chương trình giảm nghèo bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo thực hiện. Nhiều mô hình phát triển sản xuất, giảm nghèo và công trình hạ tầng phục vụ chương trình giảm nghèo được đầu tư. Các chính sách giảm nghèo được tổ chức thực hiện tốt. Tỷ lệ hộ nghèo giảm 2,46%/năm, đạt kế hoạch đề ra.

Các chương trình, dự án về việc làm, phát triển thị trường lao động được thực hiện cơ bản đồng bộ, hiệu quả. Đào tạo lao động được 31.051 người, đạt 103,5%



kế hoạch; tạo việc làm bình quân hằng năm cho trên 6.252 lao động, đạt 139% kế hoạch, trong đó xuất khẩu lao động trên 2.580 người.

Công tác chăm sóc người có công, chính sách đối với thương, bệnh binh, gia đình liệt sỹ và người có công với cách mạng được thực hiện tốt. Đến nay, 100% gia đình người có công có nhà ở ổn định theo tiêu chí của địa phương. Các chính sách trợ giúp xã hội được tổ chức thực hiện có hiệu quả. Công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới được thực hiện thường xuyên, đúng quy định.

Công tác giảm nghèo chưa thực sự bền vững. Một số địa phương có tỷ lệ hộ nghèo, tái nghèo còn cao. Chất lượng và tỷ lệ lao động qua đào tạo chưa cao. Tệ nạn nghiện ma túy chưa được ngăn chặn có hiệu quả; cai nghiện và quản lý sau cai còn nhiều bất cập. Tình trạng bạo lực, bất bình đẳng giới đối với phụ nữ và trẻ em; trẻ em bị tai nạn, bị xâm hại tình dục... còn xảy ra. Những hạn chế nêu trên là do điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh còn khó khăn, nguồn lực đầu tư cho phát triển xã hội còn hạn chế; việc giải quyết các vấn đề xã hội ở một số nơi chưa thật sự được quan tâm. Một số cán bộ, công chức, viên chức trong lĩnh vực này còn hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ.

## **2. Giáo dục và đào tạo có tiến bộ**

Tỉnh duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và phổ cập xóa mù chữ mức độ 1. Quy mô, mạng lưới trường, lớp; các cấp học, bậc học phát triển đồng đều và được sắp xếp tinh gọn. Tỷ lệ huy động trẻ đến trường từ 3-5 tuổi đạt 99,6%, trẻ 5 tuổi đạt 99,8%; tỷ lệ tốt nghiệp THPT bình quân trên 90%. Cơ sở vật chất trường lớp học tiếp tục được quan tâm đầu tư, nhất là hệ thống trường nội trú, trường bán trú, trường chuyên. Đến hết năm 2020 cả tỉnh có 104/318 trường đạt chuẩn quốc gia. Trong nhiệm kỳ có thêm 44 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia, vượt chỉ tiêu đề ra. Toàn tỉnh có 7 trường phổ thông dân tộc nội trú và 17 trường phổ thông dân tộc bán trú. Công tác xã hội hóa giáo dục được thực hiện khá hiệu quả, nhất là đối với giáo dục mầm non. Hệ thống giáo dục mầm non ngoài công lập tại các đô thị đã có bước chuyển biến tích cực với 45 cơ sở, góp phần giảm đáng kể áp lực về biên chế và ngân sách.

Công tác giáo dục nghề nghiệp được quan tâm. Trên địa bàn tỉnh có 17 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong đó có 1 trường cao đẳng, 7 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên cấp huyện và 9 cơ sở có tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu đào tạo nghề trên địa bàn; góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh lên 45%.

Do hạn chế về nguồn lực đầu tư nên cơ sở vật chất, điều kiện phục vụ hoạt động giáo dục trong các nhà trường trên địa bàn tỉnh còn thiếu và chưa đồng bộ; vẫn còn một số phòng học bán kiên cố, phòng học tạm, thiếu nhà bán trú cho học sinh. Đa số trường phổ thông chưa có phòng học bộ môn, nhà đa năng, thư viện đạt chuẩn theo quy định. Việc nâng cao trình độ, chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý các cấp còn khó khăn. Chất lượng giáo dục được nâng lên qua từng năm, song còn thấp so với mặt bằng chung của khu vực; tỷ lệ học sinh có học lực yếu, học sinh bỏ học còn cao; số học sinh đạt giải các cuộc thi cấp quốc gia còn ít.

### **3. Công tác y tế - chăm sóc sức khỏe nhân dân được bảo đảm, chất lượng khám chữa bệnh từng bước được nâng lên**

Hệ thống tổ chức và cơ sở vật chất ngành y tế được quan tâm đầu tư, củng cố, cơ bản đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân. Bệnh viện đa khoa tỉnh (500 giường bệnh) được đầu tư hoàn thành và đưa vào hoạt động. Trong nhiệm kỳ, có thêm 26 xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, nâng tổng số xã đạt Bộ tiêu chí lên 113 xã (do sáp nhập xã theo Nghị quyết số 855/NQ-UBTVQH14, đến nay tổng số xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã là 103/108 xã, phường, thị trấn).

Số lượng và chất lượng đội ngũ nhân viên y tế ngày càng được cải thiện, tỷ lệ bác sĩ có trình độ sau đại học tăng. Các bệnh viện đã triển khai được từ 70 đến 80% danh mục kỹ thuật theo phân tuyến chuyên môn của Bộ Y tế. Bệnh viện đa khoa tỉnh đã triển khai hiệu quả nhiều kỹ thuật y tế chuyên sâu. Chất lượng khám, chữa bệnh từng bước được nâng lên. Điểm đánh giá chất lượng tại các bệnh viện của tỉnh từ mức trung bình (năm 2016) lên loại khá (năm 2019). Công tác y tế dự phòng, phòng chống dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm được thực hiện có hiệu quả, vận động tham gia bảo hiểm y tế và cấp thẻ bảo hiểm y tế được triển khai thực hiện tốt. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng duy trì ở mức 17%, vượt kế hoạch đề ra. Đạt 17,5 bác sỹ/vạn dân. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 98%, vượt kế hoạch đề ra.

Cơ sở vật chất ngành y tế tại một số đơn vị tuyến huyện và trạm y tế xã xuống cấp chậm được đầu tư xây mới hoặc cải tạo, nâng cấp. Trang, thiết bị y tế phục vụ cho khám, chữa bệnh và y tế dự phòng thiếu và không đồng bộ, nhất là tuyến huyện, xã. Chất lượng dịch vụ y tế tại các tuyến tuy đã được nâng lên nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân. Tỷ lệ thực hiện kỹ thuật theo phân tuyến của Bộ Y tế tại tuyến xã và tuyến huyện còn thấp. Nguyên nhân chủ yếu là do nguồn lực đầu tư cho y tế còn thấp; chưa thu hút được bác sỹ giỏi, chuyên môn cao đến công tác tại địa phương; công tác quản lý, nâng cao ý thức, trách nhiệm với người bệnh ở một số nơi chưa sâu sát. Thực hiện công tác xã hội hóa trong cung cấp dịch vụ y tế chưa kịp thời.

### **4. Công tác văn hóa, thể dục thể thao, gia đình được quan tâm, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” được triển khai rộng khắp**

Các hoạt động văn hóa, thể thao được quan tâm đầu tư, phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng ngày càng phát triển. Đến năm 2020 có 88% hộ gia đình được công nhận danh hiệu Gia đình văn hóa, vượt kế hoạch 3%; 86% làng, bản, tổ dân phố được công nhận làng, bản, tổ dân phố văn hóa, vượt kế hoạch 14%; 90% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa địa phương được quan tâm thực hiện. Phong trào thể thao quần chúng phát triển sâu rộng với nhiều loại hình tập luyện. Tỷ lệ người tập thể dục thể thao thường xuyên và gia đình thể thao trong tỉnh ngày càng tăng, đạt 32% dân số. Thể thao thành tích cao được quan tâm đầu tư với các môn chủ lực như Taekwondo, Điền kinh, Bắn cung, Boxing. Hằng năm, bình quân có 15 vận động viên đạt huy chương trong các

giải toàn quốc, có 3 vận động viên đạt chuẩn kiện tướng và cấp I quốc gia. Tỉnh đăng cai tổ chức nhiều giải thi đấu thể thao có quy mô khu vực và toàn quốc. Các cấp, các ngành tại địa phương tổ chức nhiều giải thể thao đa dạng về loại hình và nội dung thi đấu.

Cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao còn thiếu, việc xây dựng nhà văn hóa chưa đạt chỉ tiêu đề ra. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao còn nhiều khó khăn, thiếu nhiều công trình văn hóa như Bảo tàng, nhà hát, rạp chiếu phim, cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật, sân vận động, bể bơi, công viên, khu vui chơi giải trí; chưa có thiết chế văn hóa đáp ứng cho tổ chức các sự kiện quy mô cấp vùng và quốc gia. Chất lượng hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể thao của các cơ quan, đơn vị chưa cao. Nguyên nhân là do ngân sách đầu tư cho lĩnh vực văn hóa còn ít trong khi việc xã hội hóa lĩnh vực này gặp nhiều khó khăn.

### **5. Công tác thông tin và truyền thông đạt kết quả khá**

Công tác thông tin, tuyên truyền, báo chí, xuất bản được thực hiện kịp thời, hiệu quả. Trong nhiệm kỳ có 49 đài truyền thanh xã được đầu tư mới và đầu tư nâng cấp trang thiết bị; đã thực hiện 2.725 chương trình phát thanh, truyền hình, ấn phẩm truyền thông. Tỷ lệ hộ dân nghe được chương trình phát thanh và xem được truyền hình đạt 100%.

Hạ tầng và các dịch vụ bưu chính, viễn thông có bước phát triển khá, các dịch vụ ngày càng đa dạng, chất lượng và vùng phục vụ được nâng lên. Hệ thống thông tin, liên lạc đảm bảo thông suốt, an toàn, hiệu quả.

Hạ tầng công nghệ thông tin của tỉnh được quan tâm đầu tư, triển khai nâng cấp. Việc ứng dụng các phần mềm dùng chung tại các đơn vị ngày càng đạt hiệu quả, từng bước góp phần xây dựng Chính quyền điện tử và nâng cao chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.

Bên cạnh đó, nội dung trong hoạt động thông tin, báo chí chưa thực sự hấp dẫn. Tỷ lệ xã, phường có trạm truyền thanh hoạt động tốt chưa đạt chỉ tiêu đề ra; hệ thống hạ tầng bưu chính, viễn thông vẫn còn những vùng “lỗm”. Hạ tầng cơ sở công nghệ thông tin còn yếu, việc triển khai tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống một cửa điện tử tại một số cơ quan đơn vị cấp huyện, cấp xã chưa đầy đủ; số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính qua cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 còn ít. Nguyên nhân là do nguồn ngân sách cho hạ tầng thông tin còn thiếu so với nhu cầu đầu tư. Công tác tuyên truyền của một số cơ quan, đơn vị còn hạn chế và người dân chưa quen thực hiện thủ tục hành chính qua mạng Internet.

### **6. Công tác dân tộc, tôn giáo được thực hiện có hiệu quả; tình hình kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo cơ bản ổn định và phát triển**

Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo được cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm chỉ đạo thực hiện. Nhiều chương trình, dự án đầu tư tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi phát huy hiệu quả, thực hiện đầy đủ các chính sách dân tộc, từng bước chuyển dần từ các chính sách hỗ trợ trực tiếp cho từng hộ sang hỗ trợ cho cộng đồng, nhóm hộ, hỗ trợ người dân thoát nghèo. Cơ sở hạ tầng được quan tâm đầu tư,

trong nhiệm kỳ từ Chương trình 135 đã đầu tư hơn 700 công trình, diện mạo vùng dân tộc thiểu số và miền núi có sự thay đổi theo hướng tích cực, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo, đời sống người dân từng bước được cải thiện; niềm tin của đồng bào dân tộc thiểu số đối với Đảng, chính quyền được nâng lên.

Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo được thực hiện tốt. Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo đúng quy định của pháp luật. Chính quyền các cấp tổ chức nhiều hội nghị tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và kịp thời giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo tại cơ sở, không để xảy ra điểm nóng trên địa bàn.

Đời sống vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn nhiều khó khăn. Việc triển khai thực hiện một số chính sách dân tộc có lúc chưa kịp thời. Hoạt động của các tổ chức bất hợp pháp tại một số địa phương còn nhiều diễn biến phức tạp. Nguyên nhân của hạn chế trên là do đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo, dân tộc còn hạn chế về năng lực.

### III. VỀ CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG, AN NINH, NỘI CHÍNH VÀ CẢI CÁCH TƯ PHÁP

#### 1. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương có chuyển biến, tiến bộ rõ rệt

Hàng năm, tổ chức huấn luyện cho lực lượng thường trực; dân quân, tự vệ với quân số tham gia đạt trên 98%; giáo dục kiến thức quốc phòng cho học sinh, sinh viên đạt tỷ lệ 100%. Tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch và cơ bản đạt chất lượng theo quy định. Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh và chỉ đạo diễn tập khu vực phòng thủ cho 5 huyện, thành phố; diễn tập phòng thủ dân sự cho 3 huyện, kết quả đạt tốt; đồng thời, chỉ đạo diễn tập chiến đấu phòng thủ và phòng thủ dân sự cho 121 xã, phường. Thường xuyên quan tâm xây dựng, huấn luyện, nâng cao chất lượng lực lượng dân quân, tự vệ, dự bị động viên. Lực lượng quân sự các cấp đã phối hợp với lực lượng công an và các cơ quan chức năng thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng và nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Luôn nắm chắc tình hình, tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương xử lý kịp thời những vấn đề mới nảy sinh từ cơ sở, không để bị động, bất ngờ. Ngoài nhiệm vụ thường xuyên, lực lượng vũ trang còn tích cực chủ động tham gia và trở thành lực lượng nòng cốt trong việc tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai. Công tác chính sách hậu phương quân đội được triển khai kịp thời, đúng chế độ chính sách.

Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, giáo dục về xây dựng, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân ở cơ sở còn hạn chế. Công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh có nội dung chậm đổi mới, có nơi thực hiện chưa nghiêm túc. Nguyên nhân chủ yếu là do một số nơi chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, tầm quan trọng của công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Công tác tham mưu, phối hợp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng có lúc chưa chủ động.

#### 2. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được củng cố, giữ vững

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định không để xảy ra đột xuất, bất ngờ. Kịp thời phát hiện và giải quyết những vấn đề nổi cộm ngay từ cơ sở, không để hình thành “điểm nóng” hoặc tình huống phức

tạp về an ninh trật tự. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh trật tự được nâng lên. Tổ chức nhiều đợt cao điểm tấn công và trấn áp tội phạm, không để hình thành tổ chức tội phạm theo kiểu “xã hội đen”; tỷ lệ điều tra, khám phá án hằng năm đều đạt trên 90%, vượt kế hoạch đề ra. Tai nạn giao thông giảm cả 3 tiêu chí (*giảm 35,4% số vụ; 45,5% số người chết; 8,9% số người bị thương*), ý thức chấp hành pháp luật của người tham gia giao thông được nâng lên. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có bước phát triển mới, nhiều mô hình an ninh trật tự được duy trì có hiệu quả, xây dựng được thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận quốc phòng toàn dân vững chắc. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng Công an nhân dân được chú trọng; phong trào Công an nhân dân thực hiện sáu điều Bác Hồ dạy đạt hiệu quả thiết thực. Đội ngũ cán bộ Công an không ngừng trưởng thành, vững mạnh.

Mặc dù vậy, tình hình trong tôn giáo, dân tộc vẫn tiềm ẩn những diễn biến phức tạp. Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội ở một số địa phương có nơi, có lúc hiệu quả chưa cao. Phong trào quần chúng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở chưa được duy trì thường xuyên, liên tục, đều khắp. Nguyên nhân là do việc phối hợp giữa các cấp, các ngành với lực lượng công an trong thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự có lúc thiếu chặt chẽ. Các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện âm mưu “Diễn biến hòa bình”, lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo để chống phá với nhiều thủ đoạn tinh vi hơn nhưng nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật, tham gia phòng chống tội phạm của nhân dân chưa đồng đều.

### **3. Công tác nội chính, cải cách tư pháp, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí được tăng cường**

Các cơ quan nội chính trong tỉnh đã chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường thực hiện có hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành bảo đảm đúng chức năng, nhiệm vụ. Duy trì nghiêm túc chế độ giao ban định kỳ, đột xuất để trao đổi thông tin, phối hợp làm tốt công tác điều tra xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật.

Công tác cải cách tư pháp được chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả. Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp tỉnh đã thực hiện 8 cuộc kiểm tra, giám sát đối với các huyện, thành ủy và 4 cuộc kiểm tra đối với một số cơ quan tư pháp. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm. Tình hình phạm pháp hình sự được kiểm chế.

Công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện có hiệu quả. Trong nhiệm kỳ, đã tiến hành 1.569 cuộc thanh tra, kiểm tra; phát hiện vi phạm 57,7 tỷ đồng, trong đó kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước 37,5 tỷ đồng và 16.714m<sup>2</sup> đất, đã thu hồi về ngân sách nhà nước hơn 36 tỷ đồng. Kết quả thanh tra đã góp phần chấn chỉnh, khắc phục những thiếu sót trong công tác chỉ đạo, điều hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.

Chất lượng công tác kiểm sát, điều tra được đảm bảo; công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong lĩnh vực hình sự có chuyên

biến tích cực. Viện Kiểm sát nhân dân các cấp hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn. Toà án 2 cấp giải quyết các loại án đạt tỷ lệ 92%, đảm bảo xét xử đúng người, đúng tội. Tổ chức xét xử lưu động 226 vụ án; góp phần tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức phòng ngừa vi phạm pháp luật và phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương.

Công tác thi hành án hình sự, dân sự được tổ chức thi hành theo đúng quy định của pháp luật; tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành án dân sự cho nhân dân và các đối tượng phải thi hành án theo quy định. Kết quả thi hành án dân sự được nâng lên, năm sau cao hơn năm trước.

Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo được cấp uỷ, chính quyền các cấp, các ngành quan tâm, tập trung chỉ đạo thực hiện. Việc tiếp dân tại Trụ sở tiếp công dân của tỉnh được duy trì thường xuyên và định kỳ, có sự tham gia của lãnh đạo tỉnh và các ngành chức năng. Các huyện, thành phố, các sở, ban, ngành của tỉnh hầu hết đã bố trí được địa điểm và cử cán bộ làm công tác tiếp công dân. Trong nhiệm kỳ, đã tiếp nhận 11.244 đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị; thụ lý giải quyết theo thẩm quyền 7.568 đơn, đã giải quyết 7.344 đơn đạt 97%. Các cơ quan chức năng đã tích cực phối hợp trong việc xử lý các tình huống phức tạp, tháo gỡ khó khăn vướng mắc, giải quyết được một số vụ việc tồn đọng, phức tạp kéo dài nên tình hình kiến nghị, khiếu nại, tố cáo hằng năm có chiều hướng giảm.

Nhiệm kỳ qua, các cấp uỷ đã nghiêm túc triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và Luật Phòng, chống tham nhũng góp phần quan trọng nhằm ngăn chặn suy thoái đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, ngăn ngừa tham nhũng, lãng phí. Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tội phạm được thực hiện kịp thời; xử lý đúng người, đúng tội, đảm bảo nghiêm minh có tác dụng răn đe, giáo dục. Thường xuyên kiểm tra, rà soát các kiến nghị sau thanh tra kinh tế - xã hội còn tồn đọng; xây dựng kế hoạch thực hiện kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị thực hiện việc cung cấp dịch vụ công và các lĩnh vực nhạy cảm dễ phát sinh tham nhũng... Cơ quan chức năng đã truy tố, đưa ra xét xử 9/9 vụ án và tuyên phạt tù 9 bị cáo về tội phạm tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng đạt trên 95%.

Bên cạnh đó, một số cuộc thanh tra còn kéo dài, chất lượng chưa cao, sự phối hợp thực hiện thanh tra, kiểm tra giữa các cấp, các ngành chưa đồng bộ, thống nhất dẫn đến có lúc còn chồng chéo. Việc đôn đốc xử lý sau thanh tra còn chậm. Chất lượng giải quyết các loại án, vận dụng các văn bản mới trong công tác xét xử còn hạn chế. Trình độ, năng lực của một số cán bộ điều tra, thi hành án hình sự, giám định tư pháp... còn hạn chế; trách nhiệm trong việc thực thi chức trách, nhiệm vụ chưa cao. Tiến độ, chất lượng điều tra, xử lý một số vụ án chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là đối với các vụ việc dư luận xã hội quan tâm. Một số địa phương chưa tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm đơn thư khiếu nại, tố cáo; giải quyết vấn đề chưa triệt để vẫn còn biểu hiện né tránh. Một bộ phận cán bộ tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Trong quá trình thực hiện còn mang tính hình thức nên hiệu quả phòng ngừa tham nhũng tại cơ quan, đơn vị chưa cao.

Nguyên nhân là do cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, nhất là sự phát triển của công nghệ thông tin thì tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường. Phương thức, thủ đoạn hoạt động của tội phạm ngày càng tinh vi đã gây khó khăn cho công tác phát hiện, điều tra, khám phá, xử lý; một số cán bộ còn yếu về chuyên môn, nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm chưa cao. Một số cơ quan, đơn vị chưa sâu sát, kịp thời, thiếu sự kiểm tra đối với công tác cải cách tư pháp; một số lĩnh vực giám định chưa thực hiện được tại địa phương nên chậm tiến độ xử lý. Hệ thống pháp luật về quản lý kinh tế xã hội chưa đồng bộ, cấp có thẩm quyền chậm ban hành văn bản hướng dẫn thi hành khi bộ luật được ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung. Nhiều văn bản pháp luật, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác phòng chống tham nhũng còn chung chung, có nội dung chưa quy định cụ thể, rõ ràng. Người đứng đầu một số đơn vị, địa phương chưa chỉ đạo quyết liệt công tác giáo dục, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ theo chuyên đề công tác phòng, chống tham nhũng.

#### IV. VỀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN, MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN

**1. Đẩy mạnh việc sắp xếp, kiện toàn cơ quan chính quyền, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp; công tác cải cách hành chính có tiến bộ góp phần cải thiện quan hệ của cơ quan hành chính nhà nước với nhân dân, nhất là cơ sở**

Chính quyền các cấp đã chú trọng nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành thông qua việc xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy và nền hành chính trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Tổ chức bộ máy chính quyền các cấp tiếp tục được củng cố, kiện toàn theo quy định, đáp ứng được yêu cầu thực tế của địa phương.

Ủy ban nhân dân các cấp tích cực đổi mới công tác quản lý, điều hành trên cơ sở phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; triển khai kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật tới các tầng lớp nhân dân. Các thành viên Ủy ban nhân dân tăng cường bám sát cơ sở để nắm bắt thông tin phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành và kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh. Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức giao kế hoạch sớm để các địa phương chủ động xây dựng và thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Ủy ban nhân dân tỉnh và các ngành chức năng đã tập trung chỉ đạo có hiệu quả các giải pháp nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, huy động các nguồn lực đầu tư hạ tầng cơ sở, nhất là hệ thống giao thông, các công trình trọng điểm; giải quyết kịp thời các nhiệm vụ đột xuất như khắc phục hậu quả thiên tai, phòng, chống dịch bệnh và nhất là đảm bảo an sinh xã hội.

Công tác cải cách hành chính được quan tâm thường xuyên. Nhiều cơ quan, đơn vị áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 và 9001:2015 vào hoạt động; xây dựng và đưa vào hoạt động Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh; ban hành và áp dụng Bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện, thành phố và sở, ban, ngành; từng bước xây dựng chính quyền điện tử. Một

số đơn vị, địa phương đã thực hiện cơ chế một cửa; các cơ quan chuyên môn được sắp xếp và quy định rõ chức năng, nhiệm vụ theo quy định; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từng bước được nâng lên. Đến nay, 95% cơ quan hành chính có cơ cấu công chức phù hợp với vị trí việc làm; 93,18% cán bộ và 100% công chức xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên. Hầu hết các cơ quan hành chính từ tỉnh đến huyện có trang/công thông tin điện tử và ứng dụng phần mềm quản lý văn bản. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh có 77% mức độ 3, mức độ 4 đạt 24%; cấp huyện có 81% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 9% mức độ 4. Mối quan hệ giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan hành chính từng bước được cải thiện.

Công tác quản lý, điều hành của chính quyền các cấp chưa thực sự đồng bộ, hiệu quả chưa cao. Công tác quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực như tài nguyên, khoáng sản, quản lý và bảo vệ rừng... còn yếu. Sự phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước chưa tốt, nhất là trong công tác thẩm định dự án đầu tư, giải quyết các công việc đòi hỏi có sự phối hợp liên ngành. Vấn đề cải cách hành chính chưa được kiểm tra, đôn đốc thường xuyên; chất lượng hoạt động cơ chế một cửa còn thấp, số lượng đơn vị thực hiện cơ chế một cửa liên thông chưa nhiều; vẫn còn có biểu hiện những nhiều, chậm giải quyết công việc được giao. Nguyên nhân là do việc chỉ đạo điều hành của của cấp ủy, người đứng đầu đôi khi chưa thường xuyên, sâu sát, có lúc thiếu cương quyết. Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức năng lực, trình độ, hiệu quả công tác, trách nhiệm và đạo đức công vụ còn hạn chế, thậm chí còn quan liêu, vô cảm trước người dân và doanh nghiệp.

**2. Hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh có chuyển biến tích cực; chất lượng ban hành quyết định, cơ chế, chính sách và hoạt động giám sát ngày càng được nâng cao, tuy nhiên chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp huyện và xã chưa đồng đều**

Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện tốt chức năng theo luật định, quyết định những vấn đề lớn, đồng thời ban hành nhiều cơ chế, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh tại địa phương. Chất lượng các kỳ họp Hội đồng nhân dân ngày càng nâng cao, nhất là trong việc ban hành các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền địa phương và giám sát có hiệu quả việc thực hiện các nghị quyết, quyết định đã ban hành. Trong nhiệm kỳ đã tổ chức 13 kỳ họp, ban hành 169 nghị quyết. Đại biểu Hội đồng nhân dân và tổ đại biểu Hội đồng nhân dân đã thực hiện tốt vai trò là cầu nối giữa cơ quan nhà nước với cử tri và thực hiện tốt việc tiếp xúc cử tri trước, sau các kỳ họp để thu thập ý kiến kiến nghị của cử tri chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết. Phương thức hoạt động, chất lượng các kỳ họp và hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân từng bước được nâng cao, nhất là công tác chất vấn và trả lời chất vấn. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp có nhiều đổi mới và được duy trì thường xuyên. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Hội đồng nhân dân các cấp đã tổ chức 40 cuộc giám sát, 26 cuộc khảo sát. Nội dung giám sát, khảo sát được lựa chọn là những vấn đề nổi cộm, bức xúc mà cử tri quan tâm và những vấn đề còn vướng mắc, qua đó kiến nghị với các cơ quan chức năng khắc phục tồn tại, đề xuất giải pháp nhằm thực hiện tốt hơn chính sách, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Thường trực Hội đồng



nhân dân thực hiện tốt việc điều hòa, phối hợp hoạt động của các ban Hội đồng nhân dân, đồng thời thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong công tác dân nguyện. Sự phối hợp giữa Hội đồng nhân dân với Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, có hiệu quả.

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh có nhiều đổi mới về phương thức hoạt động để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ, quyền hạn của mình đối với các lĩnh vực xây dựng pháp luật, giám sát, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, xem xét việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân. Trong nhiệm kỳ, Đoàn đại biểu Quốc hội đã tổ chức 40 hội nghị lấy ý kiến đối với 47 dự thảo Luật, Nghị quyết của Quốc hội; giám sát, khảo sát 21 cuộc; tiếp xúc cử tri 169 điểm và xử lý 424 đơn thư.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Hội đồng nhân dân một số địa phương hoạt động hiệu quả chưa cao, nội dung giám sát chưa toàn diện. Việc đôn đốc, giải quyết các kiến nghị sau giám sát và sau tiếp xúc cử tri chưa kịp thời. Công tác giám sát, đôn đốc các địa phương và cơ quan có thẩm quyền giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân chưa được thường xuyên. Còn những hạn chế nêu trên là do cơ cấu đại biểu Hội đồng nhân dân, thành viên các ban của Hội đồng nhân dân chưa thật sự hợp lý; kỹ năng hoạt động của một số đại biểu Hội đồng nhân dân cũng như đội ngũ cán bộ chuyên môn giúp việc chưa đáp ứng yêu cầu và còn thiếu cán bộ có trình độ chuyên môn cao trên nhiều lĩnh vực. Đại biểu Quốc hội hoạt động chủ yếu là kiêm nhiệm nên còn gặp khó khăn trong việc chủ động phân công tham gia chương trình hoạt động chung của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch.

### **3. Phát huy tốt vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tích cực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, triển khai tốt các phong trào thi đua yêu nước, tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền và thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội**

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, thu hút đông đảo hội viên, đoàn viên tham gia, qua đó phát huy vai trò trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Các tổ chức thường xuyên bám sát cơ sở, bảo đảm quyền và lợi ích thiết thực cho đoàn viên, hội viên và có những đóng góp tích cực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của địa phương. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc từ tỉnh đến cơ sở đã phối hợp với các cấp, các ngành tổ chức tốt cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XIV, Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2016 - 2021 và các cuộc tiếp xúc cử tri tại địa phương. Trong nhiệm kỳ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp chủ trì giám sát 57 cuộc; phối hợp với các tổ chức đoàn thể các cấp giám sát 91 cuộc; phối hợp tham gia giám sát với Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp 923 cuộc; phối hợp tham gia đoàn giám sát của Viện Kiểm sát nhân dân 142 cuộc; tham gia tổ chức phản biện và góp ý 191 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật góp phần xây dựng các văn bản trên địa bàn tỉnh phù hợp với thực tiễn và khả thi hơn. Các phong trào thi đua, các cuộc vận động đã được Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tích cực tuyên truyền, vận động tạo nên sức mạnh đoàn kết, chung sức, đồng lòng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị. Chức năng giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, chính quyền của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân

dân bước đầu được thực hiện và phát huy tác dụng. Chất lượng tổ chức, số lượng đoàn viên, hội viên ngày càng nâng lên, tỷ lệ tổ chức cơ sở vững mạnh đạt trên 85%, tỷ lệ tập hợp đoàn viên, hội viên đạt trên 80%.

Hoạt động của các hội quần chúng có nhiều chuyển biến, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới. Các cấp hội luôn chú trọng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích và điều lệ hội, thu hút đông đảo hội viên và quần chúng nhân dân tham gia, góp phần thực hiện thắng lợi các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh trật tự của địa phương.

Mặc dù vậy, việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp vẫn chưa mạnh mẽ, đồng đều, nhiều nơi còn yếu. Công tác nắm bắt tình hình và phân ánh tâm tư, nguyện vọng của nhân dân ở một số nơi còn hạn chế. Việc phối hợp với các ban, ngành để giải quyết các kiến nghị, đề xuất của hội viên, đoàn viên và quần chúng nhân dân chưa kịp thời. Chưa khắc phục được tình trạng hành chính hóa trong hoạt động, công tác của các hội, đoàn thể. Việc thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, cuộc vận động chưa đồng đều, chưa khơi dậy được tiềm năng, sức sáng tạo của đoàn viên, hội viên và nhân dân trong phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn mới; việc triển khai, nhân rộng các mô hình kinh tế tập thể, mô hình phát triển kinh tế có thu nhập cao, kết nối đầu ra cho sản phẩm, mô hình liên kết theo chuỗi giá trị còn chậm. Những hạn chế đó là do đội ngũ cán bộ có trình độ, năng lực không đồng đều, thiếu sáng tạo, ít được bồi dưỡng. Hoạt động của các hội, đoàn thể đôi khi chưa được các địa phương quan tâm.

## V. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THEN CHỐT LÀ XÂY DỰNG ĐẢNG

### 1. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng và rèn luyện đạo đức lối sống cho cán bộ, đảng viên có nhiều đổi mới

Các cấp uỷ đảng luôn quan tâm, lãnh đạo thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng và rèn luyện đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên; coi trọng công tác tuyên truyền giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, giáo dục truyền thống cách mạng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, nhất là thế hệ trẻ. Việc phổ biến, quán triệt, triển khai các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Đảng được các cấp uỷ đặc biệt quan tâm chỉ đạo, thực hiện nghiêm túc, kịp thời, thường xuyên có sự đổi mới về phương pháp theo hướng thiết thực, phù hợp với địa phương. Công tác thông tin thời sự trong nước, quốc tế và điều tra dư luận xã hội được thực hiện kịp thời, hiệu quả. Vấn đề đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị được các cấp uỷ đảng quan tâm, có sự đổi mới cả về nội dung, chương trình và phương pháp giảng dạy; chất lượng đào tạo, bồi dưỡng ngày càng được nâng lên. Nhiệm kỳ qua, đã có 3.497 đồng chí được cử đi học trung cấp và cao cấp lý luận chính trị; 3.106 đồng chí Bí thư chi bộ và cấp uỷ cơ sở được bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đảng.

Nhiệm vụ xây dựng đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên và nhân dân được các cấp uỷ đảng thực sự coi trọng. Trong đó, tập trung chỉ đạo đẩy mạnh việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm, tác phong, lối

làm việc, tinh thần đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, lệch lạc, những biểu hiện tiêu cực trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân; nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, đấu tranh chống “Diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Qua đó, nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh được nâng lên, góp phần quan trọng vào sự thống nhất ý chí, hành động thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Đại đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, vào cấp uỷ, chính quyền địa phương.

Hình thức giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên chậm được đổi mới, tính chiến đấu, tính thuyết phục chưa cao. Việc xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết của Đảng, của cấp trên ở một số cấp uỷ, đơn vị còn mang tính hình thức, chưa sát với thực tế nên tính khả thi không cao. Công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng, lịch sử truyền thống cách mạng còn chậm. Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị có nội dung chưa chú trọng gắn lý luận với thực tiễn. Công tác nghiên cứu lý luận còn hạn chế; việc sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết của Đảng để rút ra bài học kinh nghiệm vận dụng vào thực tiễn chưa cao. Các giải pháp học tập và làm theo Bác chưa tạo ra phong trào mạnh mẽ trong các tầng lớp nhân dân.

Nguyên nhân là do công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên đôi khi chưa được quan tâm và còn có biểu hiện buông lỏng công tác kiểm tra, giám sát. Sự phối hợp, kết hợp giữa các cấp, các ngành, giữa công tác tuyên giáo với công tác tổ chức cán bộ, công tác kiểm tra, giám sát có lúc, có việc chưa đồng bộ, thiếu chặt chẽ.

## **2. Công tác cán bộ được chú trọng; việc củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở đảng được quan tâm đẩy mạnh gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở**

Tổ chức bộ máy ở các cấp, các ngành thường xuyên được củng cố, kiện toàn đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị. Tỉnh đã cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, đề ra các chủ trương để tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng về công tác cán bộ cũng như quản lý đội ngũ cán bộ. Cấp uỷ các cấp tuân thủ đúng nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đồng thời đề cao trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và người đứng đầu tổ chức, địa phương, đơn vị mở rộng, phát huy dân chủ, thực hiện công khai, minh bạch trong công tác cán bộ. Tăng cường kiểm soát quyền lực trong công tác tổ chức cán bộ theo Quy định số 205-QĐ/TW ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và điều động cán bộ được thực hiện đúng quy trình, có sự đổi mới, sáng tạo nên đảm bảo sự ổn định, kế thừa và phát triển của đội ngũ cán bộ các cấp trong tỉnh. Công tác luân chuyển cán bộ được tiến hành thường xuyên tạo điều kiện cho một số cán bộ trẻ có triển vọng, cán bộ trong quy hoạch được thử thách, rèn luyện qua thực tế cơ sở là nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh.

Công tác phát triển đảng viên, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được các cấp uỷ thường xuyên quan tâm. Tổng số đảng viên của

Đảng bộ hiện có 35.091 đồng chí, chiếm 10,1% dân số. Việc củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng được tích cực chỉ đạo, trong đó tập trung xây dựng, thực hiện tốt các tiêu chí về tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh. Qua đánh giá, phân tích chất lượng đảng viên, tổ chức cơ sở đảng hằng năm cho thấy, có trên 70% tổ chức cơ sở đảng đạt hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hơn 80% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác đánh giá cán bộ có lúc, có nơi thực hiện còn tình trạng e dè, nể nang. Trình độ một bộ phận cán bộ trong tỉnh chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và hệ thống chính trị cơ sở một số nơi còn yếu, chưa đủ sức ứng phó, giải quyết những tình huống phức tạp, phát sinh. Chất lượng sinh hoạt của một số chi bộ cơ sở chưa được đổi mới, công tác quản lý đảng viên chưa chặt chẽ. Việc chia tách các chi bộ sinh hoạt ghép chưa đạt chỉ tiêu đề ra. Những hạn chế nêu trên xuất phát từ việc một số cấp ủy chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác cán bộ và việc củng cố, nâng cao năng lực, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Đội ngũ cán bộ chủ chốt ở cơ sở phần lớn chưa được đào tạo bài bản trong khi chưa có chiến lược đào tạo, đào tạo lại đối với cán bộ cấp xã.

### **3. Công tác kiểm tra, giám sát được duy trì nền nếp, giữ nghiêm kỷ luật đảng**

Cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp đã chủ động xây dựng và thực hiện nghiêm túc chương trình công tác kiểm tra, giám sát. Trong đó, tập trung chỉ đạo thực hiện việc xem xét, giải quyết các vụ việc gây bức xúc trong quần chúng, cán bộ, đảng viên; tiến hành xử lý nghiêm các tổ chức đảng, đảng viên có sai phạm, góp phần ngăn chặn, phòng ngừa vi phạm, tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng, củng cố lòng tin của nhân dân. Chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp ngày càng được nâng lên. Việc triển khai thực hiện các kết luận kiểm tra của cấp ủy, ủy ban kiểm tra được thực hiện kịp thời, nghiêm túc, có hiệu quả, tạo sự chuyển biến tích cực. Đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra đảng thường xuyên được kiện toàn, bảo đảm số lượng, cơ cấu, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp đã kiểm tra đối với 3.195 tổ chức đảng và 3.951 đảng viên, trong đó có 1.407 đảng viên là cấp ủy viên. Thực hiện giám sát chuyên đề đối với 1.492 tổ chức đảng, 2.254 đảng viên, trong đó có 968 đảng viên là cấp ủy viên. Thi hành kỷ luật 5 tổ chức đảng bằng hình thức khiển trách; thi hành kỷ luật 466 đảng viên, trong đó có 111 đảng viên là cấp ủy viên (khiển trách 278 đảng viên; cảnh cáo 112 đảng viên; cách chức 10 đảng viên; khai trừ 66 đảng viên).

Việc phát hiện tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm ở một số tổ chức đảng còn chậm, giải quyết một số vụ việc chưa kịp thời. Chưa chú trọng giám sát chuyên đề việc thực hiện Thông báo kết luận kiểm tra và kết quả giám sát. Nguyên nhân là do công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát ở một số nơi chưa thường xuyên. Một bộ phận cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát còn hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ.

#### **4. Công tác dân vận tiếp tục được đổi mới; việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, quy chế dân vận của hệ thống chính trị được quan tâm chỉ đạo**

Cấp ủy, chính quyền các cấp đã tích cực, sâu sát cơ sở nắm tình hình tư tưởng, dư luận trong nhân dân và tăng cường kiểm tra hoạt động tại các đơn vị, địa phương. Công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được tăng cường. Chất lượng hoạt động của Ban Dân vận các cấp từng bước được nâng lên, phục vụ tốt hơn yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ đảng. Mô hình “Dân vận khéo” được tăng cường triển khai (có 1.554 mô hình) và đạt một số kết quả nhất định. Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh bước đầu được thực hiện hiệu quả giúp cấp ủy, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị và giải quyết có hiệu quả các vấn đề phức tạp, góp phần tích cực vào việc xây dựng, củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc. Quy chế dân chủ cơ sở được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo thực hiện thường xuyên, qua đó tạo được sự đồng thuận trong xã hội, trong mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, cấp ủy, chính quyền, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh và cấp huyện đã tiến hành kiểm tra, giám sát chuyên đề về quy chế dân chủ và phong trào “Dân vận khéo”, công tác dân vận chính quyền 491 cuộc; tổ chức được 442 cuộc tiếp xúc đối thoại với 11.131 lượt người tham gia theo Quyết định số 213-QĐ/TU.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp khối đại đoàn kết các dân tộc còn hạn chế, nhất là trong phát triển hàng hóa nông sản và giảm nghèo. Việc thực hiện quy chế dân chủ ở một số cơ quan, đơn vị còn mang tính hình thức. Công tác nắm tình hình và định hướng dư luận quần chúng trong quá trình xử lý các vụ việc khiếu kiện kéo dài còn chậm, hiệu quả chưa cao; công tác tham mưu, đề xuất với cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo công tác vận động quần chúng ở một số lĩnh vực chưa kịp thời. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc một số nơi chưa thực sự coi trọng và quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo về công tác dân vận. Chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận chưa đồng đều.

#### **5. Phương thức lãnh đạo của các tổ chức đảng có sự đổi mới**

Các cấp ủy đảng đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hoá các chủ trương, nghị quyết của Trung ương bằng việc xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể để tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế địa phương. Đồng thời, xây dựng, ban hành và thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc của cấp ủy đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan, đúng thẩm quyền; chỉ đạo thực hiện chặt chẽ nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ theo đúng quy định, hướng dẫn của Trung ương. Triển khai thực hiện có hiệu quả việc giới thiệu, phân công cấp ủy viên có trình độ, năng lực và uy tín tham gia vào bộ máy của chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội; thực hiện nghiêm các quy định về nêu gương nhất là đối với lãnh đạo chủ chốt các cấp. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền đã có nhiều cải tiến, đổi mới. Các đồng chí cấp ủy viên tăng cường đi công tác cơ sở để tháo gỡ khó khăn, giải quyết kịp thời những vướng mắc, phát sinh, tạo được chuyển biến tích cực trong lĩnh vực tổ chức xây dựng đảng, xây dựng hệ thống chính trị các cấp. Việc mở rộng, phát huy dân chủ trong Đảng được các cấp uỷ chú trọng. Phong cách, lối làm việc của các cơ quan từ tỉnh đến cơ

sở tiếp tục được cải tiến theo hướng sâu sát cơ sở, gần gũi nhân dân, tăng cường việc đôn đốc, kiểm tra, giám sát, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên không ngừng được củng cố, tăng cường. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân được tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động đúng mục tiêu, phương hướng; phát huy tinh thần tự chủ, sáng tạo trong xây dựng, đổi mới tổ chức và hoạt động, thực hiện có hiệu quả vai trò giám sát và phản biện xã hội, tích cực tham gia xây dựng đảng, chính quyền.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy một số địa phương chưa chủ động, quyết liệt, thiếu năng động, sáng tạo, vẫn còn chông chéo, bao biện, làm thay và có hiện tượng buông lỏng quản lý. Một số cấp ủy viên chưa dành thời gian thỏa đáng cùng với tập thể cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị. Quy định về mối quan hệ công tác giữa chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội và các tổ chức trong hệ thống chính trị chưa thật sự chặt chẽ, cụ thể. Năng lực lãnh đạo, điều hành của một số bí thư cấp ủy, nhất là ở các chi bộ nông thôn còn hạn chế, nội dung sinh hoạt chi bộ chưa phong phú và chậm được đổi mới.

**6. Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ và Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được triển khai thực hiện nghiêm túc, sâu rộng trong toàn Đảng bộ**

Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) được các cấp ủy đảng chỉ đạo, triển khai thực hiện đầy đủ, chặt chẽ, nghiêm túc, theo đúng yêu cầu của Trung ương, nhất là vấn đề tự kiểm điểm, tự soi, tự sửa của tập thể cấp ủy, cơ quan, đơn vị và của từng cá nhân cán bộ diện cấp ủy quản lý. Tỉnh ủy đã cụ thể hóa việc nhận diện 27 biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ thành 135 biểu hiện để phổ biến, triển khai thực hiện trong toàn Đảng bộ. Qua tự kiểm điểm, tự soi, tự sửa mỗi cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên đã nhận thức rõ, đầy đủ những hạn chế, khuyết điểm của mình, từ đó đề ra kế hoạch cụ thể để sửa chữa, khắc phục. Việc tổ chức thực hiện nghiêm túc nghị quyết của các cấp ủy và các cơ quan, đơn vị đã tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và sự đồng thuận trong xã hội, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi một bước sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) của Đảng được các cấp ủy đảng tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc. Trong đó, đặc biệt chú trọng đến việc tổ chức học tập chuyên đề của các năm; xây dựng kế hoạch, cam kết làm theo Bác của tập thể và cá nhân để giải quyết những vấn đề nổi cộm, bức xúc của cơ quan, đơn vị, địa phương; mở đợt sinh hoạt chính trị dịp kỷ niệm 50 năm thực hiện Di chúc của Người. Đồng thời, tổ chức kiểm điểm hàng tháng việc làm theo Bác của cán bộ, đảng viên trong sinh hoạt chi bộ; tổ chức cuộc thi thuyết trình thực hiện Nghị quyết

của Đảng gắn với cải cách hành chính và sửa đổi lề lối làm việc theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Cụ thể hóa và thực hiện nghiêm túc các quy định về nêu gương của cán bộ, đảng viên nhất là người đứng đầu. Qua đó đã tạo sự lan tỏa rộng rãi trong xã hội, ngày càng xuất hiện nhiều tập thể và cá nhân điển hình tiên tiến và gương mẫu trong học tập và làm theo Bác. Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp được nâng lên; những vấn đề nổi cộm, bức xúc trong nhân dân được tập trung giải quyết cơ bản, kịp thời; những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên từng bước được ngăn chặn và đẩy lùi.

Bên cạnh đó, những hạn chế, khuyết điểm của tập thể, cá nhân đã được chỉ ra nhưng chậm được khắc phục, nhất là việc “tự sửa” còn chậm, chưa triệt để; một số cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức ý thức trách nhiệm chưa cao trong thực thi công vụ. Việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chưa thực sự đi vào chiều sâu, có sức lan tỏa lớn; trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên nhất là cán bộ chủ chốt, người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp có lúc, có nơi chưa thể hiện rõ nét. Nguyên nhân là do một số cấp ủy, thủ trưởng, cơ quan, đơn vị thiếu đôn đốc, kiểm tra việc khắc phục, sửa chữa những hạn chế, khuyết điểm của tập thể, cá nhân sau kiểm điểm; công tác đấu tranh tự phê bình và phê bình còn thiếu quyết liệt; ý thức tự giác nêu gương của cán bộ, đảng viên nhất là một số cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa cao.

## VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG

### 1. Đánh giá tổng quát

Nhiệm kỳ qua, trong bối cảnh chịu tác động của suy thoái kinh tế thế giới, khu vực và những diễn biến bất lợi của thời tiết, dịch bệnh, nhất là đại dịch Covid-19... nhưng Đảng bộ, nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã đoàn kết, vận dụng sáng tạo các chủ trương, chính sách của Trung ương cũng như tranh thủ mọi thời cơ, khắc phục khó khăn, nỗ lực phấn đấu đạt được những thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực. Kinh tế duy trì đà tăng trưởng với tốc độ khá. Nông, lâm nghiệp chuyển dần theo hướng sản xuất hàng hoá; thương mại, dịch vụ có bước phát triển. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường. Các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, xã hội tiếp tục phát triển; an sinh xã hội cơ bản được đảm bảo, đời sống của nhân dân tiếp tục được cải thiện. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, đoàn thể được chú trọng và đạt một số kết quả quan trọng.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, chúng ta vẫn còn một số hạn chế, yếu kém cần khắc phục: Trong 55 chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội XI đề ra, còn 15 chỉ tiêu không đạt. Tăng trưởng kinh tế chưa bền vững; công nghiệp tăng trưởng chậm; thương mại, dịch vụ, du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế sẵn có. Những hạn chế, yếu kém trong lĩnh vực y tế, văn hóa, giáo dục - đào tạo chậm được khắc phục. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có mặt chưa đáp ứng yêu cầu.

Nguyên nhân chủ yếu là do công tác dự báo, định lượng, xác định hệ thống chỉ tiêu chưa thật sự hợp lý; nền kinh tế của tỉnh có xuất phát điểm thấp, vị trí địa

lý không thuận lợi, điều kiện địa hình phức tạp, dân số ít nên rất khó khăn trong sản xuất, thu hút đầu tư. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và việc kiểm tra, đôn đốc của cấp uỷ, chính quyền các cấp có lúc chưa thường xuyên, quyết liệt, triệt để; trách nhiệm của người đứng đầu chưa thật sự được đề cao; bộ máy chính quyền cơ sở một số nơi còn bộc lộ nhiều hạn chế, công tác quản lý, điều hành yếu. Trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, kể cả cán bộ lãnh đạo, quản lý trên một số lĩnh vực còn bất cập, chất lượng không đồng đều, thiếu năng động, sáng tạo, đổi mới. Công tác quy hoạch chưa được quan tâm chỉ đạo sát sao nên việc xác định bước đi và lộ trình hoạt động cho từng năm, từng giai đoạn thiếu đồng bộ, chưa tạo ra môi trường thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh. Các cơ chế chính sách triển khai ở một số lĩnh vực còn thiếu hệ thống giám sát đánh giá kết quả thực hiện. Khả năng quản trị và năng lực tài chính của các doanh nghiệp, nhà đầu tư còn yếu.

## **2. Bài học kinh nghiệm**

*Một là*, nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, phấn đấu vươn lên từ nội lực của tỉnh trên cơ sở vận dụng sáng tạo các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Tranh thủ và phát huy mọi nguồn lực để tập trung phát triển; chủ động đẩy mạnh hợp tác, liên doanh, liên kết với các đơn vị, địa phương trong và ngoài nước, nhất là với những đơn vị, địa phương có thế mạnh trong phát triển kinh tế.

*Hai là*, làm tốt công tác xây dựng Đảng, phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo của các tổ chức đảng, nhất là tổ chức đảng ở cơ sở. Đặc biệt quan tâm công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp có đủ trình độ, năng lực, đạo đức, tâm huyết gắn với đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, nhất là về ý thức trách nhiệm, tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân. Đề cao và phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị, địa phương thực sự gương mẫu, là trung tâm đoàn kết, có khả năng tập hợp, quy tụ trí tuệ tập thể; dám nhận khuyết điểm và quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo.

*Ba là*, khi xây dựng các chỉ tiêu kinh tế - xã hội phải làm tốt công tác dự tính, dự báo dựa trên phương pháp khoa học, khách quan, bám sát thực tiễn và được phản biện theo quy định. Trong quá trình triển khai thực hiện cần đảm bảo công khai, minh bạch nhằm hạn chế tiêu cực, tham nhũng, lãng phí. Khi triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương cần vận dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương; đồng thời nghiên cứu hệ thống những giải pháp để triển khai thực hiện các chỉ tiêu đảm bảo tính khả thi.

*Bốn là*, giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc, nổi cộm kéo dài tránh để phát sinh thành điểm nóng. Đồng thời, không ngừng đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, xây dựng, nhân rộng các mô hình, điển hình sáng tạo trong nhân dân.

## **Phần thứ hai**

### **PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

#### **I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH**

Trong những năm tới, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nước ổn định. Dự báo kinh tế vĩ mô tiếp tục tăng trưởng; uy tín, vị thế của đất nước



ta ngày càng được củng cố, nâng cao trên trường quốc tế. Chính phủ đang quyết tâm đẩy mạnh cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, thu hút có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài, khuyến khích đầu tư của các thành phần kinh tế, chú trọng phát triển khu vực doanh nghiệp tư nhân. Bên cạnh đó, các tỉnh trong khu vực, nhất là tỉnh Thái Nguyên tiếp tục tập trung phát triển mạnh về công nghiệp sẽ là điều kiện thuận lợi cho lực lượng lao động của tỉnh, đồng thời là cơ hội phát triển, cung cấp sản phẩm nông lâm nghiệp ra thị trường ngoài tỉnh.

Trên địa bàn tỉnh, hạ tầng kinh tế - xã hội đã và đang được đầu tư sẽ là cơ hội để phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, tạo tiền đề cho phát triển nhanh, bền vững. Xu hướng liên kết, hợp tác trong sản xuất nông, lâm nghiệp để hình thành vùng sản xuất hàng hoá sẽ phát triển. Với truyền thống quê hương cách mạng, nhân dân cần cù chịu khó, lực lượng lao động dồi dào và trình độ đã từng bước được nâng lên nên việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ cao, tạo tiền đề để nâng cao giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và phát triển công nghiệp chế biến sẽ được đẩy mạnh. Trong những năm qua, Đảng bộ và chính quyền các cấp luôn chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao chất lượng cán bộ, đảng viên sẽ là động lực chính cho sự phát triển trong nhiệm kỳ tới. Bên cạnh đó, việc tập trung phát huy bản sắc văn hóa, đại đoàn kết các dân tộc sẽ là nền tảng quan trọng cho quá trình phát triển. Những kết quả đạt được và kinh nghiệm sau 23 năm tái lập tỉnh cùng với truyền thống đoàn kết, nỗ lực, cố gắng của đảng bộ, nhân dân sẽ là tiền đề, cơ hội thuận lợi để chúng ta khai thác tốt mọi tiềm năng, thế mạnh cho phát triển. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, các doanh nghiệp của tỉnh sẽ phải đối mặt với những khó khăn, thách thức lớn trong khi năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong tỉnh còn yếu và chưa có sự chuẩn bị tốt cho hội nhập; cùng với đó, ảnh hưởng của dịch bệnh, nhất là đại dịch Covid-19 còn rất nặng nề; sự biến đổi khí hậu ảnh hưởng lớn tới tính bền vững của ngành nông nghiệp... Vì vậy, đòi hỏi tỉnh phải có giải pháp phù hợp, đồng thời công tác chỉ đạo điều hành phải năng động, sáng tạo để phát huy tối đa tiềm năng lợi thế của tỉnh, phải vừa có những giải pháp trước mắt, vừa có giải pháp lâu dài để hạn chế tối đa những khó khăn, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững.

## II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Khai thác tốt các tiềm năng, thế mạnh, huy động có hiệu quả mọi nguồn lực nhằm phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Tập trung phát triển, nâng cao giá trị kinh tế trong sản xuất nông - lâm nghiệp, từng bước phát triển nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất hàng hoá. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến, nhất là chế biến nông lâm sản và dược liệu. Xây dựng kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông để phát triển du lịch và dịch vụ. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền, đoàn thể, trong đó xác định khâu đột phá là công tác cán bộ. Phát huy dân chủ và sức mạnh khối đại đoàn kết các dân tộc; huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, quyết tâm xây dựng tỉnh Bắc Kạn phát triển nhanh, bền vững.

### III. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt từ 6,5 - 7,0%/năm, trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp tăng 3,5%/năm; khu vực Công nghiệp - Xây dựng tăng từ 9,6 - 9,8%/năm (*Công nghiệp tăng từ 12,8 - 13%/năm; xây dựng tăng 7,5%/năm*); khu vực dịch vụ tăng 7,0%/năm.

2. Đến năm 2025, cơ cấu kinh tế: Khu vực nông lâm nghiệp, thủy sản chiếm 26,2%; khu vực Công nghiệp - Xây dựng chiếm 18,5%; khu vực dịch vụ chiếm 53%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 2,3%.

3. GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt trên 62 triệu đồng.

4. Sản lượng lương thực bình quân đầu người duy trì 500 kg/người/năm; diện tích trồng rừng bình quân/năm đạt 3.500 ha (*trồng lại rừng sau khai thác và cây phân tán*); duy trì tỷ lệ che phủ rừng 72,9%.

5. Xây dựng thành phố Bắc Kạn trở thành đô thị xanh - sạch - văn minh, phấn đấu đến năm 2025 cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại II; cả tỉnh có ít nhất 56 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 17 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 6 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 174 thôn đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân mỗi xã đạt trên 13 tiêu chí.

6. Đến năm 2025 có từ 200 sản phẩm OCOP trở lên đạt 3 - 4 sao; trong đó có từ 2 sản phẩm trở lên đạt 5 sao.

7. Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông: Tập trung hoàn thành đường quốc lộ 3 mới từ Chợ Mới đến thành phố Bắc Kạn và đường từ thành phố Bắc Kạn đi hồ Ba Bể để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, trọng tâm là khai thác du lịch Hồ Ba Bể.

8. Đến năm 2025, tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia 98,5%; tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 98,5%, trong đó 50% được sử dụng nước sạch.

9. Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải đạt tiêu chuẩn tại đô thị là 92% và 40% trở lên đối với nông thôn.

10. Thu ngân sách đến năm 2025 đạt 1.100 tỷ đồng. Tỷ lệ huy động GRDP vào ngân sách đạt từ 5,2 - 5,3%.

11. Tốc độ tăng trưởng tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ bình quân đạt 11,5%/năm; đến năm 2025 đạt 11.200 tỷ đồng; xuất, nhập khẩu tăng trưởng bình quân 10%/năm. Phấn đấu đến năm 2025, di sản Ba Bể - Na Hang được Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hợp quốc công nhận là di sản thiên nhiên thế giới.

12. Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xoá mù chữ; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hằng năm đạt trên 90%; số trường chuẩn quốc gia tăng thêm 60 trường.

13. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (*thể cân nặng theo tuổi*) dưới 17%; duy trì tỷ lệ trên 17 bác sĩ/1 vạn dân;

100% số xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên 98%.

14. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 50% trở lên; giải quyết việc làm cho 6.400 lao động/năm. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm từ 2 - 2,5%, huyện nghèo giảm từ 3,5 - 4% trở lên.

15. Tỷ lệ gia đình văn hoá đạt 88% trở lên, khu dân cư văn hoá đạt 86% trở lên; 100% xã, phường có trạm truyền thanh hoạt động tốt.

16. Hằng năm, phấn đấu đạt 100% chỉ tiêu, kế hoạch về tuyển quân; giáo dục quốc phòng, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh; tổ chức tốt diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh, huyện; diễn tập chiến đấu phòng thủ hoặc phòng thủ dân sự xã, phường, thị trấn; động viên quân nhân dự bị, lực lượng dự bị động viên và đảm bảo phương tiện kỹ thuật theo yêu cầu. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ cấp tỉnh đạt 3,5% dân số.

17. Phấn đấu tiếp nhận, xử lý 100% tin báo, tố giác tội phạm; tỷ lệ điều tra khám phá án hằng năm đạt từ 80% trở lên. Phấn đấu hằng năm giảm từ 5% trở lên số vụ tội phạm về trật tự xã hội; kiềm chế sự gia tăng tiến tới giảm tai nạn giao thông. Phấn đấu tỷ lệ giải quyết án hình sự đạt từ 90% trở lên; dân sự từ 85% trở lên; hành chính từ 65% trở lên.

18. Phấn đấu đến năm 2025, 100% cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu công chức phù hợp với vị trí việc làm; 100% cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh theo mức độ 4 đạt 90% trở lên.

19. Phấn đấu mỗi năm kết nạp từ 1.000 đảng viên trở lên; có 80% tổ chức cơ sở đảng trở lên hoàn thành tốt nhiệm vụ; tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 80% trở lên.

#### IV. CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG TÂM

1. Tăng cường xây dựng Đảng, tập trung nâng cao chất lượng tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên nhất là người đứng đầu tạo bước chuyển biến căn bản trong công tác cán bộ theo phương châm tận tâm với công việc, tâm huyết với quê hương, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới. Có cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới có lợi ích cho xã hội.

2. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, chỉ số cải cách hành chính.

3. Phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, đáp ứng nhu cầu thị trường. Mở rộng liên kết sản xuất và nâng cao chuỗi giá trị để tăng thu nhập cho người dân khu vực nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.

4. Tăng cường thu hút đầu tư phát triển du lịch và công nghiệp trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, trọng tâm là du lịch hồ Ba Bể. Hoàn thiện khu công nghiệp, phát triển các cụm công nghiệp với trọng tâm là công nghiệp chế biến nông, lâm sản và một số ngành có lợi thế của địa phương. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư để phát triển nông, lâm nghiệp và du lịch.

## V. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, NHÓM GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

### 1. Về phát triển kinh tế

**1.1. Ưu tiên phát triển nông - lâm nghiệp, chuyển dịch mạnh theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung với sản lượng lớn; từng bước ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất một số cây trồng có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; phát triển nông nghiệp, nông thôn; tập trung chỉ đạo xây dựng thành phố Bắc Kạn trở thành đô thị xanh - sạch - văn minh, cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại II gắn với xây dựng nông thôn mới**

Cơ cấu lại để phát triển nông nghiệp dựa trên phát triển chuỗi giá trị của các ngành hàng có lợi thế, các sản phẩm bản địa phù hợp với thị trường và điều kiện của từng địa phương. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất để nâng cao giá trị gia tăng, giảm giá thành và tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm, tăng thu nhập cho người lao động.

Tiếp tục thực hiện chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa, ngô kém hiệu quả, đất canh tác một vụ sang các cây trồng có thế mạnh. Tiếp tục phát triển một số cây ăn quả có múi, hồng không hạt, cây mơ theo hướng bảo đảm an toàn thực phẩm hoặc quy trình VietGAP tiêu chuẩn hữu cơ. Tập trung chỉ đạo sản xuất theo hướng đầu tư thâm canh tăng năng suất, chất lượng. Thực hiện tốt công tác quy hoạch để hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, sản xuất theo chuỗi, được chứng nhận an toàn thực phẩm hoặc VietGAP theo lợi thế của từng vùng. Tăng cường công tác quản lý để giữ được chất lượng và thương hiệu các sản phẩm đã được công nhận như gạo nếp Khâu Nua Lếch, Quýt Bắc Kạn, Miến dong, Hồng không hạt, Gạo Bao thai và các sản phẩm OCOP. Hỗ trợ phát triển tiêu thụ công nghiệp nông thôn gắn với xây dựng làng nghề.

Đẩy mạnh thực hiện chương trình OCOP. Triển khai xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau, hoa tại thành phố Bắc Kạn, các huyện Bạch Thông, Chợ Mới để tạo động lực và thu hút các nguồn vốn đầu tư xã hội phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Tập trung chỉ đạo phát triển đàn vật nuôi trên địa bàn tỉnh theo hướng chăn nuôi tập trung tại các gia trại, trang trại; chăn nuôi đảm bảo an toàn sinh học gắn với bảo vệ môi trường và an toàn dịch bệnh,... Quản lý chặt chẽ việc sản xuất, kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi; triển khai đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm ở động vật.

Đẩy mạnh công tác trồng rừng đảm bảo về chất lượng, hiệu quả, trong đó chú trọng công tác trồng lại rừng sau khai thác. Tập trung trồng rừng gỗ lớn, cây đa mục đích có giá trị kinh tế cao và trồng cây dược liệu dưới tán rừng. Khuyến khích các mô hình liên doanh, liên kết giữa các chủ rừng với các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện sản xuất theo chu trình khép kín từ khâu trồng rừng đến khai thác, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Trồng rừng phải gắn với công nghiệp chế biến lâm sản.

Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Giải quyết dứt điểm các vướng mắc về đất đai giữa lâm trường với các hộ dân; thực hiện việc tái cơ cấu sản xuất của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lâm nghiệp Bắc Kạn để nâng cao hiệu quả sản xuất. Có chính sách để thu hút, hỗ trợ các tổ chức và cá nhân (hợp tác xã, doanh nghiệp) đầu tư vào sản xuất nông, lâm nghiệp theo hướng tạo ra sản phẩm hàng hóa tập trung với số lượng lớn và sản xuất theo chuỗi giá trị. Có cơ chế, chính sách cụ thể cho người trồng rừng gỗ lớn, người bảo vệ rừng tự nhiên (đặc dụng, phòng hộ, sản xuất).

Tập trung chỉ đạo xây dựng thành phố Bắc Kạn trở thành đô thị xanh - sạch - văn minh, cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại II gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tăng cường lồng ghép các nguồn vốn đầu tư thực hiện chương trình. Tiếp tục chỉ đạo các ngành giúp đỡ các địa phương. Tập trung chỉ đạo phát triển các mô hình sản xuất, mô hình giảm nghèo, mô hình tạo việc làm tại nông thôn có hiệu quả.

### ***1.2. Phát triển công nghiệp gắn với quản lý, bảo vệ tài nguyên, môi trường sinh thái; nâng dần tỷ trọng ngành công nghiệp trong cơ cấu kinh tế***

Duy trì các cơ sở công nghiệp hiện có theo hướng từng bước đổi mới công nghệ, nâng cao giá trị sản phẩm và giảm ô nhiễm môi trường. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông lâm nghiệp, trong đó chế biến gỗ, cây dược liệu và các loại lâm sản là trọng tâm. Phát triển thủy điện nhỏ sử dụng công nghệ mực nước thấp phù hợp với quy hoạch và bảo vệ môi trường. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng khu, cụm công nghiệp để thu hút các nhà đầu tư.

Có chính sách để hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến; chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực. Quy hoạch tốt vùng nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến lâm sản. Ưu tiên phân bổ nguồn vốn đầu tư công phát triển hạ tầng phục vụ công nghiệp. Đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp và xúc tiến đầu tư trên địa bàn.

### ***1.3. Phát triển thương mại - dịch vụ, du lịch theo hướng đa dạng hóa và nâng cao chất lượng, phục vụ tốt hơn sản xuất và đời sống nhân dân***

Tăng cường phối hợp đồng bộ giữa các ngành chức năng và địa phương trong việc phát triển các loại hình thương mại, dịch vụ. Thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại để quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm sản và sản phẩm công nghiệp của tỉnh.

Đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền, kiểm tra việc chấp hành các văn bản pháp luật về thương mại; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trong sản xuất, kinh doanh để ổn định thị trường. Kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư, từng bước phát triển hệ thống siêu thị, kênh phân phối hiện đại tại trung tâm huyện và các thị trấn, thị tứ.

Tập trung mọi nguồn lực đẩy mạnh phát triển du lịch và giữ gìn cảnh quan, môi trường hồ Ba Bể gắn với các tour, tuyến liên kết với các điểm du lịch văn hóa - lịch sử khác trên địa bàn tỉnh. Khai thác, phát triển thêm các điểm du lịch hang động, du lịch mạo hiểm, sản phẩm lưu niệm và du lịch gắn với văn hóa cộng đồng

dân cư địa phương. Phối hợp với tỉnh Tuyên Quang, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập hồ sơ trình UNESCO công nhận di sản Ba Bể - Na Hang là di sản thiên nhiên thế giới.

Quản lý tốt quy hoạch tổng thể và chi tiết phát triển du lịch, bảo đảm cảnh quan và bảo vệ môi trường tại các khu, điểm du lịch. Quan tâm đầu tư quy hoạch chi tiết các khu, điểm du lịch để thu hút các nhà đầu tư. Đồng thời có chính sách hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thu hút các nhà đầu tư phát triển hạ tầng du lịch, hệ thống khách sạn, nhà hàng, các khu nghỉ dưỡng, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho lao động địa phương.

Dành nguồn lực đầu tư công phát triển hạ tầng giao thông (đường, bến xuống) phục vụ du lịch. Quan tâm xây dựng, ban hành cơ chế chuyển đổi xuống du lịch giảm tiếng ồn, sử dụng xe điện tại một số điểm du lịch để bảo vệ môi trường. Có chính sách hỗ trợ, đào tạo nguồn nhân lực làm du lịch đáp ứng về số lượng và chất lượng.

#### ***1.4. Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính - tiền tệ - ngân hàng***

Thực hiện tốt công tác quản lý thu ngân sách, đẩy mạnh khai thác các nguồn thu trong đó tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các giải pháp quản lý thuế để chống thất thu ngân sách nhà nước; rà soát các khoản thu, tránh nợ đọng. Tiếp tục thực hiện đề án ấn định thuế trong khai thác khoáng sản và mở rộng sang lĩnh vực thương mại, dịch vụ...

Quản lý chi ngân sách chặt chẽ, đúng quy định và trong phạm vi dự toán được giao. Tiết kiệm chi ngân sách từ trong các khâu phân bổ, giao dự toán và quá trình thực hiện. Tiết kiệm triệt để chi thường xuyên để tăng chi đầu tư phát triển nhằm đảm bảo phù hợp cơ cấu giữa chi đầu tư và thường xuyên. Bố trí vốn cho các dự án trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải và lãng phí ngân sách; tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn (đặc biệt là vốn đầu tư phát triển, các Chương trình mục tiêu quốc gia); thực hiện tốt công tác quyết toán ngân sách. Chuyên hướng dẫn quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ; thực hiện tốt việc sắp xếp, đổi mới hệ thống và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Triển khai, tổ chức thực hiện các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ và quản lý hoạt động ngân hàng trên địa bàn đảm bảo an toàn, phát triển bền vững; đẩy mạnh phát triển dịch vụ ngân hàng hiện đại, tập trung thực hiện các chỉ tiêu huy động vốn, tăng trưởng tín dụng đi đôi với đảm bảo chất lượng và kiểm soát nợ xấu; đáp ứng nhu cầu vay vốn phát triển kinh tế, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội của địa phương.

***1.5. Quy hoạch, đầu tư phát triển về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm, tập trung nguồn lực đầu tư các hạng mục trong chương trình xây dựng nông thôn mới; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có***

Hoàn thành quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch. Tăng cường huy động nguồn vốn ngoài nhà nước tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng khu, cụm công nghiệp. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư

ngân sách nhà nước. Vốn đầu tư công tập trung bố trí để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng của tỉnh, thực hiện các dự án có tính kết nối vùng; ưu tiên các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho ngành nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến lâm sản và du lịch.

Chủ động phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành để tập trung đầu tư tuyến Quốc lộ 3 mới từ Chợ Mới đến thành phố Bắc Kạn và từ thành phố Bắc Kạn đi hồ Ba Bể. Thực hiện cải tạo, nâng cấp các tuyến đường tỉnh đạt cấp IV miền núi; xây dựng thay thế cầu yếu trên các tuyến đường; đầu tư nâng cấp các tuyến đường huyện và xã theo quy hoạch.

Tiếp tục đầu tư mới và nâng cấp cải tạo các công trình cấp điện đáp ứng yêu cầu về chất lượng, an toàn và bảo đảm đủ nhu cầu tiêu thụ điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Thực hiện dự án cấp điện cho các thôn, bản chưa có điện lưới quốc gia và dự án điện năng lượng tái tạo tại các địa bàn phù hợp.

Xây dựng các trạm cấp nước sạch phù hợp với quy mô dân số, tình hình sản xuất của mỗi đô thị, đáp ứng tối đa nhu cầu nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất của nhân dân.

Tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng mới các công trình thủy lợi cho các địa bàn trọng điểm về nông nghiệp. Xây dựng mới các công trình thủy lợi để mở rộng diện tích canh tác và thâm canh tăng vụ. Xây dựng một số hồ chứa nước phục vụ phòng chống cháy rừng.

Đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng thông tin và truyền thông. Tiếp tục tập trung nguồn lực đầu tư cho trạm truyền thanh các xã, phường, thị trấn hoạt động đạt hiệu quả.

### ***1.6. Tạo môi trường pháp lý, cơ chế, chính sách thuận lợi để thực hiện chủ trương khai thác và phát huy những lợi thế của địa phương, đồng thời tạo bước đột phá đồng bộ để phát triển kinh tế - xã hội***

Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật đang áp dụng trên địa bàn tỉnh để kịp thời điều chỉnh, bổ sung các quy định pháp lý liên quan đến các ngành, lĩnh vực trọng tâm. Xây dựng hệ thống chính sách đồng bộ để khuyến khích đầu tư phát triển những lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

Tập trung xây dựng và hoàn thiện quy hoạch tỉnh; các chính sách phát triển hạ tầng du lịch; chính sách hỗ trợ giải phóng mặt bằng; chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ; chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực.

### ***1.7. Thu hút, phát triển và khơi dậy nguồn lực của các thành phần kinh tế. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, tập trung các nguồn vốn đầu tư vào lĩnh vực ưu tiên của tỉnh***

Thực hiện tốt các chính sách khuyến khích và thu hút đầu tư trên địa bàn. Quan tâm hỗ trợ các doanh nghiệp của tỉnh phát triển về số lượng và chất lượng. Tiếp tục chỉ đạo thành lập mới các hợp tác xã kiểu mới, nhất là các hợp tác xã

trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, đồng thời có giải pháp hỗ trợ các hợp tác xã nâng cao chất lượng nhân lực để hoạt động có hiệu quả.

Triển khai mạnh mẽ, quyết liệt, có hiệu quả các giải pháp về nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) để đến năm 2025, PCI của tỉnh nằm trong nhóm “khá”. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, trọng tâm là nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ công chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng, hiệu quả của cơ chế một cửa, một cửa liên thông, một cửa hiện đại, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công để giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, nhà đầu tư; tiếp tục rà soát, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính; xây dựng chính quyền điện tử.

Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư vào các lĩnh vực, nhiệm vụ trọng tâm. Tăng cường công tác phối hợp giữa Trung tâm xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp với Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và các đơn vị liên quan trong công tác hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh.

***1.8. Khắc phục và hạn chế các dự án hiệu quả thấp để ưu tiên phát triển khoa học - công nghệ; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến vào thực tiễn sản xuất ra sản phẩm hàng hóa có năng suất, chất lượng cao***

Đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ; nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ. Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng cán bộ có trình độ cao trên một số lĩnh vực phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Tập trung nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tính thực tiễn và cấp thiết phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Tập trung nghiên cứu, triển khai các chương trình khoa học công nghệ về nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm chủ lực của địa phương (cam, quýt, hồng không hạt, chè Shan tuyết, Khẩu Nua Lếch, lợn địa phương); nghiên cứu, phát triển các loại cây dược liệu có giá trị; đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong chế biến nông, lâm sản, trồng và chế biến gỗ; ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao phù hợp trong nông nghiệp, y dược, bảo vệ môi trường và phát triển các sản phẩm thuộc Chương trình OCOP của tỉnh. Thực hiện tốt công tác bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao.

Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ quan, đơn vị nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ. Nghiên cứu xây dựng quỹ phát triển khoa học và công nghệ; xây dựng cơ chế hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu đổi mới công nghệ; khuyến khích, thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

***1.9. Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên - môi trường; quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên, bảo vệ và cải thiện môi trường***

Tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục nâng cao nhận thức về chính sách, pháp luật về đất đai, tài nguyên - môi trường và các văn bản có liên quan để người dân sử dụng đất, tài nguyên đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Đẩy mạnh thực hiện việc đấu giá, đấu thầu các dự án có sử dụng đất. Tập trung thực hiện quy hoạch và thu hồi đất phát triển khu công nghiệp, cụm công



nghiệp để tạo quỹ đất, thúc đẩy đầu tư. Đồng thời, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra có trọng điểm việc quản lý và sử dụng đất đai theo quy hoạch nhằm ngăn chặn kịp thời các vi phạm, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp được giao đất, cho thuê đất nhưng không sử dụng đất, sử dụng đất sai mục đích. Tập trung xử lý dứt điểm khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai, tránh để xảy ra điểm nóng.

Thực hiện tốt các quy định về hoạt động thăm dò và khai thác khoáng sản trong đó đặc biệt chú ý về môi trường và an toàn trong hoạt động sản xuất, sinh hoạt của người dân. Chỉ cấp phép các dự án khai thác gắn với chế biến sâu đối với một số loại khoáng sản có tiềm năng như chì-kẽm, sắt, sắt-mangan. Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát, nắm tình hình, kịp thời ngăn chặn các hành vi có liên quan đến khai thác khoáng sản trái phép. Đẩy mạnh đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Triển khai đầy đủ các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước. Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước để tăng hiệu quả quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên nước. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, kiểm soát chặt chẽ việc đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư.

## **2. Về phát triển văn hoá - xã hội**

***2.1. Quán triệt, vận dụng sáng tạo các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về giáo dục - đào tạo, khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao; đồng thời, đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong toàn dân để nâng cao trình độ dân trí***

Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Thực hiện tốt quy hoạch mạng lưới trường, lớp gắn với quy hoạch tổng thể của tỉnh và đề án sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với điều kiện từng địa phương. Bố trí nguồn ngân sách để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp, nhà công vụ, nhà bán trú và công trình phụ trợ. Xây dựng trường chuẩn quốc gia theo lộ trình; trang bị đồ dùng, thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục; xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu; xây dựng và thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập. Huy động tối đa trẻ em trong độ tuổi ra lớp, thực hiện tốt việc duy trì sĩ số học sinh ở các cấp học. Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Đẩy mạnh thực hiện đổi mới cơ chế tài chính, công tác xã hội hóa giáo dục và đào tạo. Tăng cường tự chủ cho cơ sở giáo dục, ưu tiên ngân sách đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị theo hướng chuẩn hóa và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

## **2.2. Tập trung nguồn lực phát triển lĩnh vực y tế, đảm bảo thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân**

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống y tế theo hướng công bằng, chất lượng, hiệu quả, phát triển và phù hợp với điều kiện của tỉnh. Phát triển hệ thống y tế dự phòng đáp ứng tốt nhiệm vụ chuyên môn, chủ động giám sát dịch tễ không để dịch lớn xảy ra. Tăng cường sự phối hợp liên ngành trong phòng chống dịch bệnh. Triển khai tốt và có hiệu quả các dự án của chương trình mục tiêu Y tế - Dân số, tăng cường công tác tuyên truyền về bảo hiểm y tế, vận động người dân tích cực tự rèn luyện nhằm nâng cao sức khỏe, tăng tuổi thọ và chất lượng cuộc sống.

Từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ y tế các tuyến đủ về số lượng, chất lượng đáp ứng yêu cầu cả về y đức và chuyên môn. Tăng cường đào tạo, luân phiên cán bộ y tế, chuyển giao kỹ thuật. Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ, nâng cao y đức; xây dựng bệnh viện xanh - sạch - đẹp, an toàn, văn minh, hướng tới thực hiện chăm sóc toàn diện người bệnh.

Tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong khám chữa bệnh. Tiếp tục phát triển có hiệu quả mạng lưới bệnh viện vệ tinh. Từng bước phát triển hệ thống khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng hoàn chỉnh từ tỉnh đến huyện. Phát triển y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại trong phòng bệnh, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, nâng cao sức khoẻ. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ đối với các cơ sở y tế công lập.

## **2.3. Nâng cao chất lượng, đa dạng hoá loại hình hoạt động của lĩnh vực báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin truyền thông**

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp đối với hoạt động truyền thanh cơ sở. Tiếp tục quan tâm đầu tư cho hệ thống đài truyền thanh các xã, phường, thị trấn hoạt động đạt hiệu quả. Thực hiện tốt quy hoạch phát triển báo chí trên địa bàn tỉnh.

Hoàn thành xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP). Cải thiện, nâng cấp hệ thống một cửa điện tử, một cửa điện tử liên thông và dịch vụ công trực tuyến mức độ cao kết nối được với các hệ thống khác. Xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Thực hiện chuẩn hóa quy trình xử lý dịch vụ công trực tuyến theo nguyên tắc lấy người dùng làm trung tâm, không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp các văn bản, tài liệu nhiều lần khi đã có trong cơ sở dữ liệu.

Đẩy mạnh tuyên truyền và thực hiện các giải pháp xây dựng chính quyền điện tử, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng. Chủ động sử dụng và tuyên truyền, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

## **2.4. Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc; bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh; thực hiện các chỉ tiêu phát triển văn hóa nông thôn; phát triển các môn thể thao có thế mạnh, giữ gìn và phát triển các môn thể thao dân tộc truyền thống; đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa - thể thao**

Thực hiện tốt các nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc Bắc Kạn. Hỗ trợ đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh bảo

tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc gắn với phát triển du lịch bền vững tại địa phương.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án lập hồ sơ khoa học xếp hạng di tích trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2019 - 2025; thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị của di tích. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ, khai thác và phát huy giá trị di tích danh thắng, di tích lịch sử văn hóa.

Phát triển thể dục, thể thao quần chúng. Thực hiện quy hoạch, xây dựng sân vận động của tỉnh và bảo đảm cơ sở vật chất phục vụ cho nhân dân tập luyện thể dục thể thao thường xuyên. Thực hiện tốt công tác xã hội hoá các hoạt động thể dục thể thao.

### ***2.5. Thực hiện có hiệu quả các chính sách giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, an sinh xã hội và chế độ, chính sách đối với đối tượng người có công với cách mạng***

Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách hỗ trợ giảm nghèo. Trong đó, tập trung ưu tiên nguồn lực đầu tư cho các địa bàn khó khăn, còn nhiều hộ nghèo được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, thông tin và hạ tầng thiết yếu khác.

Đẩy mạnh giải quyết việc làm thông qua các chương trình phát triển kinh tế - xã hội; ưu tiên hỗ trợ tạo việc làm cho nhóm lao động yếu thế; quan tâm việc xuất khẩu lao động.

Đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả giáo dục nghề nghiệp theo cơ chế thị trường, gắn với nhu cầu xã hội. Đẩy mạnh công tác phân luồng sau trung học cơ sở và trung học phổ thông; xây dựng hệ thống dự báo nhu cầu đào tạo nghề chính xác, kịp thời, xác định rõ cơ cấu nghề đào tạo, cơ cấu trình độ nghề. Tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, huy động các doanh nghiệp tham gia dạy nghề; đồng thời có chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho doanh nghiệp. Thực hiện các giải pháp khuyến khích, hỗ trợ người dân thoát nghèo, tránh tình trạng ỷ lại, trông chờ vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

Tổ chức thực hiện tốt các chế độ chính sách về trợ giúp xã hội. Chủ động ứng phó với tình hình diễn biến phức tạp của thiên tai, thời tiết cực đoan nhằm bảo đảm an sinh xã hội cho người dân trong mọi điều kiện; hỗ trợ đột xuất, bảo đảm người dân bị thiệt hại khi gặp rủi ro, thiên tai được hỗ trợ kịp thời để ổn định cuộc sống.

Thường xuyên chăm lo kịp thời các chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước đối với người có công với cách mạng. Tập trung xử lý dứt điểm các trường hợp vướng mắc đối với người có công.

### ***2.6. Thực hiện tốt các chính sách về dân tộc, tôn giáo***

Thực hiện tốt các chương trình, dự án, các chính sách dân tộc. Chủ động huy động, lồng ghép các nguồn lực đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nâng cao mức sống, mức hưởng thụ của đồng bào dân tộc. Tập trung giải quyết dứt điểm các vấn đề bức xúc như thiếu đất ở, nước sinh hoạt, xoá nhà ở tạm; đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, luân chuyển, đãi ngộ cán bộ là người dân tộc thiểu số.

Tạo điều kiện, hướng dẫn cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo pháp luật. Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về tôn giáo, cảnh giác trước các âm mưu và xử lý nghiêm các phần tử lợi dụng tôn giáo để chống phá chính quyền, kích động, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm mất ổn định chính trị; phát huy vai trò, uy tín của các chức sắc, chức việc, già làng, người có uy tín trong cộng đồng; xây dựng lực lượng cốt cán trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào có đạo. Triển khai thực hiện hiệu quả Kết luận số 65-KL/TW của Bộ Chính trị và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội.

### **3. Về lĩnh vực quốc phòng, an ninh, nội chính**

#### ***3.1. Củng cố, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội***

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 29 tháng 8 năm 2008 của Bộ Chính trị (khóa X) về xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới và các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, địa phương về công tác quốc phòng - an ninh. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Nâng cao ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành và nhân dân về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và quốc phòng - an ninh nhằm chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch.

Tăng cường công tác phối hợp giữa lực lượng quân đội và công an trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và nhiệm vụ quốc phòng theo tinh thần Nghị định số 03/2019/NĐ-CP của Chính phủ. Tập trung phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng - an ninh. Nâng cao sức mạnh tổng hợp, sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang, thực hiện có hiệu quả đề án đảm bảo quốc phòng của tỉnh giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2030. Tiếp tục nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng đối với xã vùng CT229. Nâng cao chất lượng các cuộc luyện tập, diễn tập ở các cấp đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo, chính sách người có công và chính sách hậu phương quân đội.

#### ***3.2. Đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội***

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đối với nhiệm vụ bảo đảm an ninh trật tự. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả, nhân rộng các mô hình quần chúng tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Vì an ninh Tổ quốc”, chủ động nắm chắc tình hình, phát hiện và giải quyết kịp thời những vấn đề mới nảy sinh từ cơ sở, không để hình thành các tổ chức đối lập, các “điểm nóng”, xảy ra đột xuất, bất ngờ về an ninh trật tự; không để hình thành các tổ chức tội phạm hoạt động theo kiểu “xã hội đen”. Chủ động

phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn những biểu hiện lệch lạc về tư tưởng, “tự chuyên hoá”, “tự diễn biến” trong cán bộ, đảng viên. Đẩy mạnh việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về phòng chống tội phạm; tập trung đấu tranh, phòng ngừa, khám phá, kiểm chế sự gia tăng của các loại tội phạm. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về an ninh trật tự, quản lý chặt chẽ hoạt động xuất nhập cảnh, bảo vệ bí mật nhà nước; làm giảm tai nạn giao thông; tệ nạn xã hội, tội phạm về trật tự xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật.

### ***3.3. Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan nội chính, cải cách tư pháp; giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng, lãng phí***

Tập trung nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan nội chính, công tác cải cách tư pháp; giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo, đặc biệt là các vụ việc phức tạp, kéo dài theo quy định. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức và nhân dân. Thực hiện có hiệu quả các cuộc thanh tra, kiểm tra; kiểm sát chặt chẽ việc giải quyết tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố, nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Thực hiện đúng các quy định đối với công tác thi hành án hình sự, dân sự và nâng cao chất lượng xét xử các loại án, đảm bảo xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, hạn chế số án bị huỷ, sửa.

Triển khai đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp phòng chống tham nhũng, trong đó đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, tạo sự thống nhất, tự giác, quyết tâm cao trong hành động. Thường xuyên kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị có chức năng phòng, chống tham nhũng. Có giải pháp hữu hiệu nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan thanh tra, kiểm tra, điều tra và các cơ quan truy tố, xét xử trong phát hiện, xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng, tập trung vào các lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng như quản lý đất đai, khai thác tài nguyên khoáng sản, đầu tư xây dựng, quản lý vốn, tài sản của Nhà nước... Xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân có vi phạm và xem xét trách nhiệm của người đứng đầu, người có trách nhiệm liên quan khi để xảy ra tham nhũng, lãng phí tại cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp quản lý.

## **4. Về xây dựng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể**

### ***4.1. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo luật định để làm tốt vai trò cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương***

Chú trọng về chất lượng chuyên môn, năng lực hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân, phát huy tốt vai trò của đại biểu Hội đồng nhân dân tham gia hoạch định các cơ chế, chính sách, quyết định có hiệu quả các vấn đề quan trọng của địa phương. Đa dạng hoá các hình thức giám sát, lựa chọn nội dung giám sát phù hợp, trọng tâm nhằm giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội mà cử tri quan tâm. Tăng cường xem xét việc giải quyết các kiến nghị sau giám sát của các cơ quan chức năng.

Tiếp tục nâng cao trách nhiệm của đại biểu Quốc hội trong giám sát thực hiện chính sách, pháp luật tại địa phương và tham gia góp ý các dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết trình Quốc hội. Đổi mới hình thức lấy ý kiến của cá nhân, tổ chức, đoàn thể nhân dân để huy động được nhiều ý kiến tham gia góp ý xây dựng luật. Chú trọng phát hiện, lựa chọn người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, đại biểu Quốc hội đảm bảo chất lượng, lĩnh vực phù hợp và cơ cấu hợp lý, nhất là việc bố trí đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

**4.2. Đổi mới phương thức, lề lối làm việc và hiệu quả chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp; thực hiện hiệu quả nhiệm vụ cải cách hành chính, cải thiện quan hệ của cơ quan hành chính nhà nước với nhân dân, nhất là cơ sở**

Tập trung chỉ đạo đổi mới phong cách, lề lối làm việc của các cấp, các ngành và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dân chủ, khoa học, sâu sát, kịp thời, đúng pháp luật. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng về nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền địa phương. Xây dựng bộ máy chính quyền địa phương trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại.

Thực hiện việc tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức và sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn theo đúng quy định, phù hợp với thực tế địa phương.

Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp trong thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, gắn việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính với công tác thi đua khen thưởng và đánh giá cán bộ hằng năm.

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính và thanh tra công vụ. Nhân rộng và nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước, hướng tới xây dựng cơ chế một cửa hiện đại tại Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Bố trí kinh phí hợp lý cho các nhiệm vụ cải cách hành chính; tăng cường đầu tư xây dựng trụ sở làm việc và trang thiết bị của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính.

Tăng cường tính công khai, minh bạch, trách nhiệm của hoạt động công vụ. Nêu cao ý thức trách nhiệm, tinh thần, thái độ phục vụ cho cán bộ, công chức trong thực thi công vụ, nhất là bộ phận cán bộ, công chức thường xuyên tiếp xúc, giải quyết công việc liên quan đến người dân, doanh nghiệp.

**4.3. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong việc tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc, phối hợp thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội và bảo vệ quyền lợi chính đáng cho đoàn viên, hội viên và nhân dân; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền**

Xây dựng quy chế, chương trình phối hợp và thống nhất hành động giữa Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh. Chủ động phối hợp, tham gia có hiệu quả các cuộc bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương.

Tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân

tộc trên địa bàn tỉnh. Tổ chức thực hiện tốt quy chế giám sát và phản biện xã hội; tham gia đóng góp ý kiến xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động với phương châm hướng mạnh về cơ sở, địa bàn khu dân cư nhằm nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân. Chủ động thu hút các nguồn lực giúp các đoàn viên, hội viên phát triển sản xuất, xây dựng các mô hình kinh tế tập thể, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Khắc phục triệt để tình trạng hành chính hóa trong hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các hội, đoàn thể. Thực hiện hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước.

## **5. Về xây dựng Đảng**

### ***5.1. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chính trị tư tưởng; tăng cường rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng***

Tăng cường công tác giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tuyên truyền giáo dục truyền thống cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Đưa việc thường xuyên giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức thành nội dung quan trọng trong mục tiêu “Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức”. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với việc rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, nhất là trong lãnh đạo, quản lý và thực thi công vụ.

Tích cực đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quán triệt, triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng; xây dựng chương trình hành động, kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với thực tiễn địa phương, đơn vị. Tổ chức triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả, sắc bén của công tác tư tưởng, kịp thời định hướng về thông tin, tư tưởng và dư luận xã hội từ đó đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc nhằm chống phá khối đại đoàn kết dân tộc. Giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng, tạo sự đồng thuận trong xã hội. Đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, học tập lý luận chính trị sát với tình hình thực tiễn, phù hợp với đối tượng cán bộ; chú trọng công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, nhất là tổng kết thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, các chương trình hành động của cấp uỷ; tổng kết công tác đảng, đoàn thể, chính quyền, công tác dân tộc, công tác tôn giáo, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Tổ chức có hiệu quả mạng lưới báo cáo viên từ tỉnh đến cơ sở; đẩy mạnh công tác nghiên cứu biên soạn lịch sử Đảng, lịch sử truyền thống cách mạng. Thường xuyên củng cố, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên giáo các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

**5.2. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên, tạo bước chuyển biến cơ bản trong công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên nhất là cấp ủy viên và người đứng đầu cấp ủy các cấp đáp ứng với yêu cầu phát triển**

Thực hiện nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ; tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả tự phê bình, phê bình, chất vấn trong các kỳ họp của cấp ủy các cấp; xây dựng nội dung sinh hoạt và ra nghị quyết phù hợp tình hình thực tiễn ở cơ quan, đơn vị, địa phương. Phát huy vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là lãnh đạo các cấp, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng Đảng. Tập trung lãnh đạo công tác phát triển tổ chức đảng, đảng viên, chú trọng khu vực nông thôn vùng sâu, vùng xa, tổ dân phố và doanh nghiệp; tăng cường phân công nhiệm vụ, quản lý, nâng cao tính tiên phong gương mẫu của đảng viên. Xây dựng kế hoạch và thực hiện tốt công tác chia tách chi bộ thôn sinh hoạt ghép, đồng thời chú trọng bồi dưỡng kiến thức quản lý và nghiệp vụ công tác đảng cho đội ngũ cấp ủy cơ sở.

Tiếp tục đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đảm bảo tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII. Có giải pháp mạnh mẽ, đồng bộ, tạo bước chuyển biến cơ bản về công tác cán bộ, trong đó quan tâm xây dựng và thực hiện đề án đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ. Chú trọng đào tạo cán bộ có trình độ cao, chuyên sâu ở các lĩnh vực mũi nhọn; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trên cơ sở căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị. Xây dựng chính sách ưu tiên trong tuyển dụng cán bộ người dân tộc thiểu số, cơ chế trọng dụng, thu hút người tài, cán bộ trẻ được đào tạo cơ bản về chuyên môn phù hợp với nhu cầu của địa phương. Làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Nghiên cứu, thực hiện việc đưa cán bộ, công chức cấp xã lên bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ tại các phòng, ban, cơ quan chuyên môn cấp huyện. Đồng thời, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên thật sự tiên phong, gương mẫu, có phẩm chất, đạo đức cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật; có phong cách làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả; đề cao trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật gắn với đạo đức công vụ, tôn trọng và tận tụy phục vụ nhân dân.

Thực hiện tốt nguyên tắc quản lý cán bộ, công chức và quy định về quản lý biên chế thống nhất của hệ thống chính trị theo Quyết định số 253-QĐ/TW của Bộ Chính trị, trong đó chú ý kết hợp giữa tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế. Đổi mới công tác đánh giá công chức theo hướng đề cao trách nhiệm người đứng đầu và gắn với kết quả công vụ. Làm tốt công tác luân chuyển cán bộ, xây dựng kế hoạch, phương án chi tiết việc luân chuyển cán bộ cho từng năm; quan tâm thực hiện việc luân chuyển đội ngũ cán bộ cấp phòng giữa các cơ quan, đơn vị phù hợp với vị trí việc làm. Thực hiện việc điều động, chuyển đổi vị trí công tác đối với các đối tượng cán bộ theo quy định. Chú trọng tăng cường cán bộ về các huyện, xã khó khăn, vùng dân tộc thiểu số. Làm tốt công tác quy hoạch, tạo nguồn cán bộ, chú ý cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số bảo đảm sự chủ động, có tầm nhìn xa, đáp ứng cả nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. Đổi mới,



trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển. Thực hiện việc tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện công tác cán bộ, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Nâng cao trách nhiệm thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

### **5.3. Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát**

Tăng cường phổ biến, quán triệt các quy định của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát để tạo sự chuyển biến, nâng cao nhận thức của các cấp uỷ, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra, trước hết là người đứng đầu cấp uỷ về vị trí, vai trò, tác dụng của công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm sát với nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng đảng của từng đảng bộ, địa phương. Cấp uỷ các cấp thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên thuộc diện cấp uỷ quản lý trong việc chấp hành điều lệ, chỉ thị, nghị quyết, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm phát hiện nhân tố tích cực để nhân rộng, đồng thời ngăn ngừa, hạn chế các sai phạm của tổ chức đảng, đảng viên. Nghiên cứu ban hành, chỉ đạo thực hiện các quy chế về sự phối hợp giữa các ban đảng, giữa cơ quan uỷ ban kiểm tra với cơ quan thanh tra, cơ quan pháp luật... để làm tốt công tác kiểm tra.

Các tổ chức đảng chủ động thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên theo chức năng nhiệm vụ, quyền hạn được giao; kịp thời phát hiện dấu hiệu vi phạm thuộc lĩnh vực công tác của tổ chức mình và chuyển cho tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, giải quyết. Cấp uỷ, trước hết là ban thường vụ cấp uỷ định kỳ nghe báo cáo và cho ý kiến chỉ đạo về công tác thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy chế làm việc; giải quyết kịp thời những kiến nghị của các tổ chức đảng cấp dưới và định kỳ hằng năm, cuối nhiệm kỳ chủ trì, chỉ đạo việc tổng kết công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng ở cấp mình.

Ủy ban kiểm tra các cấp tăng cường công tác giám sát đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên, trước hết là cấp uỷ viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý, chủ động phát hiện và kịp thời kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

Thường xuyên củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan uỷ ban kiểm tra và tăng cường cán bộ kiểm tra các cấp đảm bảo tương xứng với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Tuyển chọn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, đề bạt, bố trí, luân chuyển, sử dụng cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát bảo đảm chất lượng, phù hợp với điều kiện của tỉnh. Chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ kiểm tra từ cấp huyện và tương đương để đào tạo, bồi dưỡng tạo nguồn cán bộ kiểm tra cho cấp tỉnh, cấp huyện. Xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, có phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, kinh nghiệm, kỹ năng nghiệp vụ thuần thực, công tâm, khách quan, ứng xử có văn hoá... Tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng cho các cấp uỷ, lãnh đạo các tổ chức đảng và cán bộ kiểm tra các cấp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ kiểm tra, giám sát trên từng cương vị công tác. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

#### **5.4. Nâng cao chất lượng công tác dân vận của Đảng và công tác dân vận chính quyền**

Kịp thời thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng thành cơ chế, chính sách phù hợp với thực tiễn và đáp ứng lợi ích, nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Đa dạng hóa các hình thức vận động, tập hợp quần chúng theo hướng mở rộng dân chủ, tập trung cho cơ sở. Tăng cường công tác dân vận ở các địa bàn trọng điểm, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành trong công tác dân vận. Tăng cường và đổi mới công tác dân vận của các cơ quan nhà nước; thực hiện tốt quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị. Tiếp tục quan tâm làm tốt công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, tiến hành rà soát, cấp giấy chứng nhận sinh hoạt tôn giáo tập trung cho các điểm nhóm đủ điều kiện, tạo điều kiện cho việc sinh hoạt tôn giáo theo quy định của pháp luật. Có kế hoạch, quy hoạch đào tạo con em đồng bào dân tộc thiểu số tương xứng với tỷ lệ dân tộc vùng miền để phục vụ lâu dài cho vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Chỉ đạo thực hiện tốt quy chế dân chủ ở các loại hình cơ sở, mở rộng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh. Đề cao vai trò giám sát, phản biện xã hội của nhân dân thông qua tổ chức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc các cấp.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua, nhất là phong trào "Dân vận khéo" trong tất cả các lĩnh vực phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, xây dựng nông thôn mới.

Thường xuyên củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ làm công tác dân vận từ tỉnh đến cơ sở. Bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, kỹ năng vận động quần chúng cho cán bộ làm công tác dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhằm nâng cao hiệu quả công tác dân vận theo Quyết định số 21-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị tỉnh Bắc Kạn.

#### **5.5. Chú trọng thực hiện việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ và Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Quy định số 101-QĐ/TW, Quy định số 08-QĐi/TW của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương**

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII); Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị và Quy định số 101-QĐ/TW của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương. Đưa việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 và vấn đề học tập, làm theo Bác trở thành việc làm thường xuyên, hằng ngày của mỗi cá nhân, tổ chức. Duy trì nghiêm chế độ sinh hoạt đảng và nguyên tắc tự phê bình, phê bình; tự kiểm điểm, tự soi, tự sửa để đánh giá việc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên cũng như việc khắc phục, sửa chữa những khuyết điểm, hạn chế.

Nêu cao ý thức trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, phong cách, tác phong, lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ, đảng

viên, nhất là người đứng đầu trong các cơ quan, đơn vị. Tiếp tục củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng bộ phận giúp việc các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị; phát hiện, nhân rộng những gương điển hình tiên tiến, tạo sự lan toả sâu rộng trong quần chúng nhân dân và trong cán bộ, đảng viên.

Thực hiện việc xây dựng, chỉnh đốn đảng gắn liền với đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, trong đó xây dựng, đổi mới từ tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, đảng viên cho đến cơ chế chính sách. Kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, bè phái, nói không đi đôi với làm; xử lý nghiêm minh đối với các trường hợp vi phạm.

### 5.6. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

Nắm vững và vận dụng sáng tạo nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với thực tiễn của địa phương. Đổi mới việc ban hành nghị quyết, coi trọng công tác đôn đốc, kiểm tra các cấp, các ngành cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng.

Thường xuyên bổ sung, hoàn thiện các quy chế, quy định nhằm đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy đối với các tổ chức trong hệ thống chính trị theo hướng phân cấp hợp lý, rõ ràng, đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát. Tăng cường mối liên hệ giữa các tổ chức đảng với cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm của các cấp, các ngành và nhân dân. Coi trọng việc sơ kết, tổng kết thực tiễn, đánh giá đúng thực chất, rút ra những kinh nghiệm sâu sắc, kịp thời đề ra chủ trương, giải pháp phù hợp với thực tế.

Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách trong tổ chức và sinh hoạt đảng. Triển khai thực hiện nghiêm cải cách thủ tục hành chính trong đảng. Tiếp tục đổi mới phong cách, lề lối làm việc theo hướng dân chủ, kỷ cương, thiết thực, sâu sát cơ sở, làm việc có chương trình, kế hoạch, nói đi đôi với làm, đổi mới, sáng tạo và phát triển.

#### Nơi nhận:

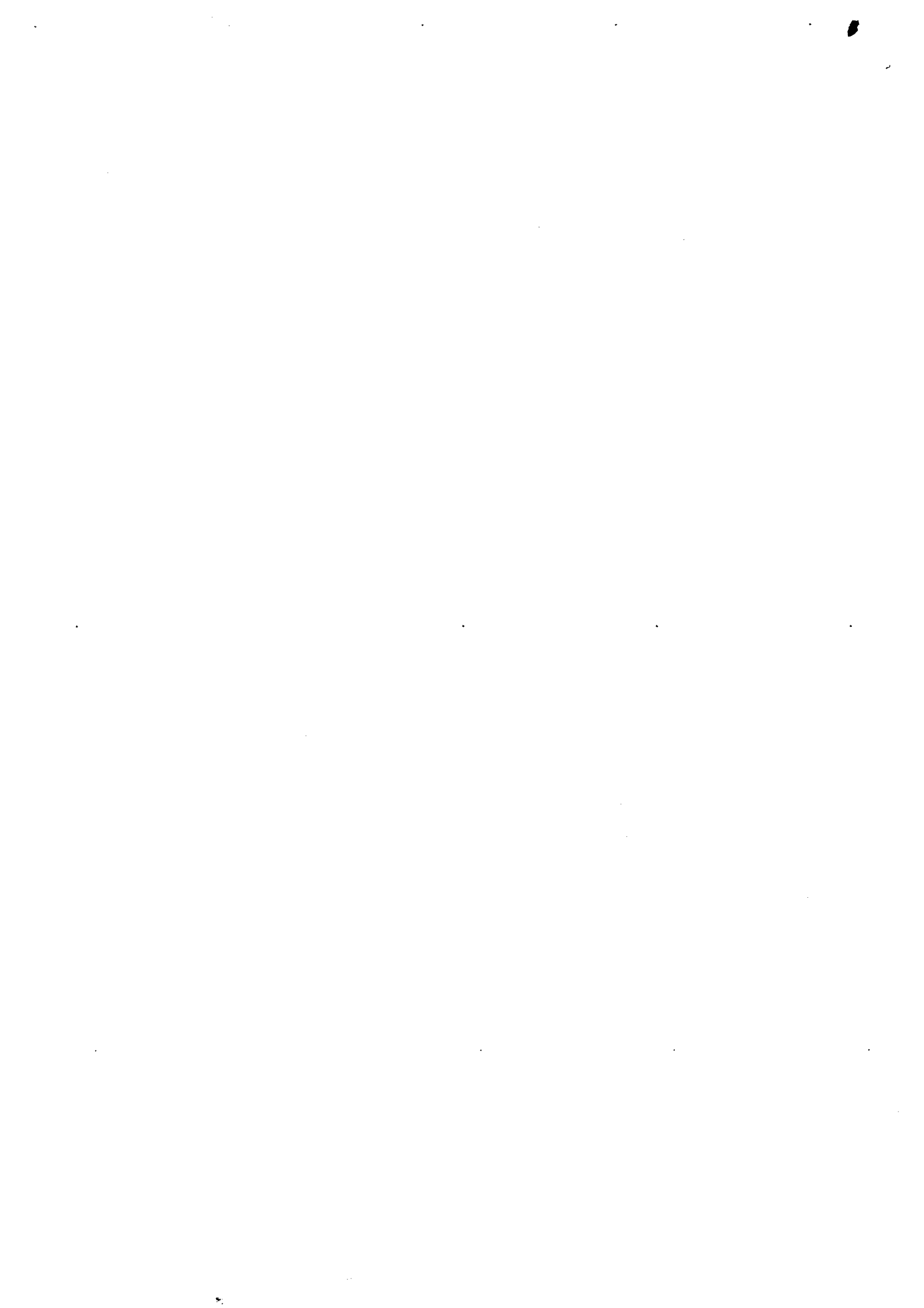
- Ban Bí thư Trung ương,
- Văn phòng và các ban xây dựng Đảng Trung ương,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các ban xây dựng Đảng Tỉnh ủy,
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy + Hồ sơ Đại hội XII.

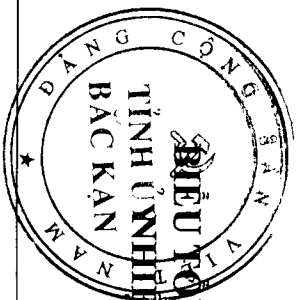
} (báo cáo)

**T/M TỈNH ỦY**  
**BÍ THƯ**



**Nguyễn Văn Du**





**ĐIỀU TỌNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**  
**TỈNH ỦY NHIỆM KỲ 2015 - 2020 VÀ MỤC TIÊU CHỦ YẾU NHIỆM KỲ 2020 - 2025**  
*(Kèm theo Báo cáo số 493-BC/TU ngày 25 tháng 10 năm 2020)*

TT	Các chỉ tiêu, mục tiêu cơ bản	Đơn vị tính	Đại hội XI, nhiệm kỳ 2015 - 2020			Mục tiêu Đại hội XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025
			Mục tiêu	Kết quả thực hiện	So sánh	
<b>I</b>	<b>CHỈ TIÊU KINH TẾ</b>					
<b>1</b>	<b>Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP bình quân giai đoạn</b> <i>Trong đó:</i>	<b>%</b>	<b>6,6</b>	<b>5,3</b>	<b>Không đạt</b>	<b>6,5 - 7,0</b>
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	4,5	2,4	K. đạt	3,5
	- Công nghiệp và xây dựng	%	6,2	7,7	Vượt	9,6 - 9,8
	+ Công nghiệp	%	7,0	10,5	Vượt	12,8 - 13
	+ Xây dựng	%	6,0	6,3	Vượt	7,5
	- Dịch vụ	%	7,5	6,3	K. đạt	7,0
<b>2</b>	<b>GRDP bình quân đầu người</b>	Triệu đồng	>39	40	Vượt	62
<b>3</b>	<b>Cơ cấu kinh tế</b>					
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	31	28,2	Vượt	26,2
	- Công nghiệp và xây dựng	%	20	15,2	K. đạt	18,5
	- Dịch vụ	%	49	53,3	Vượt	53,0
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	-	3,3	-	2,3
<b>4</b>	<b>Thu ngân sách</b>					
	- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	1.100	670	K. đạt	1.100
	- Tỷ lệ tăng thu ngân sách bình quân	%	18,6	5,4	K. đạt	9,3
	- Tỷ lệ thu ngân sách nhà nước so với GRDP	%	9,34	5,2	K. đạt	5,2 - 5,3

TT	Các chỉ tiêu, mục tiêu cơ bản	Đơn vị tính	Đại hội XI, nhiệm kỳ 2015 - 2020		Mục tiêu Đại hội XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025	
			Mục tiêu	Kết quả thực hiện		
5	<b>Về nông, lâm nghiệp - xây dựng nông thôn mới</b>					
	- Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	175.000	178.521	Vượt	180.000
	- Sản lượng lương thực bình quân đầu người/năm	Kg	540	560	Vượt	500
	- Diện tích trồng rừng bình quân/năm	Ha	6.500	6.501	Đạt	3.500
	- Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới	Huyện	0	0	0	1
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới (Đến nay đã công bố 19 xã; dự kiến hết năm 2020 công bố thêm 4 xã, nâng số xã đạt chuẩn lên 23 xã. Do sáp nhập theo Nghị quyết 855/NQ-UBTVQH14; sau khi rà soát, còn 19 xã đạt chuẩn).	Xã	22	23	Vượt	41
	- Số tiêu chí nông thôn mới đạt được bình quân/xã	Tiêu chí	10	11,3	Vượt	13
	- Thành lập mới hợp tác xã trong sản xuất nông, lâm nghiệp	HTX	80	147	Vượt	100
<b>II</b>	<b>CHỈ TIÊU VĂN HÓA - XÃ HỘI</b>					
<b>1</b>	<b>Giáo dục - Đào tạo</b>					
	- Số trường đạt chuẩn quốc gia tăng thêm	Trường	40	44	Vượt	40
	- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT	%	>90	90	Đạt	90
<b>2</b>	<b>Y tế</b>					
	- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1	1	Đạt	1
	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	<18	17	Vượt	≤17
	- Tỷ lệ bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	16	17,5	Vượt	≥17
	- Số xã, phường đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã (Đến hết tháng 7/2020 có 113 xã đạt đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã; Do sáp nhập theo Nghị quyết 855/NQ-UBTVQH14; sau khi rà soát còn 99/108 xã; dự kiến hết năm 2020 công bố thêm 4 xã, nâng số xã đạt chuẩn lên 103 xã).	Xã	122	113	K.Đạt	108 (100%)
	- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	96,3	98	Vượt	> 98

TT	Các chỉ tiêu, mục tiêu cơ bản	Đơn vị tính	Đại hội XI, nhiệm kỳ 2015 - 2020		Mục tiêu Đại hội XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025		
			Mục tiêu	Kết quả thực hiện			
3	<b>Lao động - việc làm - giảm nghèo</b>						
		- Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	40	45	Vượt	50
		- Số lao động được tạo việc làm bình quân	Người	4.500	6.252	Vượt	6.400
		- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân	%	2 - 2,5	2,46	Đạt	2 - 2,5
		<i>Trong đó: Tỷ lệ giảm nghèo tại các huyện 30a</i>	%	3 - 4	3,50	Đạt	3,5 - 4
		- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn không có tệ nạn					
		<i>Tỷ lệ xã, phường, thị trấn không phát sinh tệ nạn ma túy</i>	%	23	20	K. đạt	25
	<i>Tỷ lệ xã, phường, thị trấn không có tệ nạn mai dâm</i>	%	90	98,2	Vượt	90	
4	<b>Văn hóa - thông tin</b>						
		- Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa	%	85	88	Vượt	88
		- Tỷ lệ làng, bản, tổ phố được công nhận làng, bản, tổ phố văn hóa	%	72	86	Vượt	86
	- Tỷ lệ xã, phường có trạm truyền thanh cơ sở hoạt động tốt	%	100	80	K. đạt	100	
<b>III CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG</b>							
1	<b>Môi trường</b>						
		- Tỷ lệ rác thải tại đô thị được thu gom xử lý	%	100	91,0	K. đạt	92
		- Tỷ lệ rác thải nông thôn được thu gom xử lý	%	70	38,0	K. đạt	40
		- Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh	%	98	98,0	Đạt	98,5
		- Tỷ lệ dân số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia	%	98	97,29	K. đạt	98,5
2	<b>Tỷ lệ che phủ rừng</b>	%	72	72,9	Vượt	72,9	

TT	Các chỉ tiêu, mục tiêu cơ bản	Đơn vị tính	Đại hội XI, nhiệm kỳ 2015 - 2020		Mục tiêu Đại hội XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025
			Mục tiêu	Kết quả thực hiện	
<b>IV</b>	<b>CHỈ TIÊU VỀ CÔNG TÁC NỘI CHÍNH</b>				
<b>1</b>	<b>Quốc phòng</b>				
	- Tỷ lệ tuyển quân hằng năm	%	100	100	100
	- Tỷ lệ bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh hằng năm	%	100	100	100
	- Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh, huyện, diễn tập chiến đấu trị an xã, phường, thị trấn	%	100	100	100
	- Chỉ tiêu động viên quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật	%	100	100	100
	- Tỷ lệ xây dựng lực lượng dân quân tự vệ cấp tỉnh trên tổng dân số	%	3	3,5	3,5
<b>2</b>	<b>An ninh</b>				
	- Tỷ lệ khám phá án hằng năm	%	>85	90	80
	- Giám cả 3 tiêu chí về tai nạn giao thông	Số vụ, số người chết, bị thương	giám cả 3 tiêu chí	giám cả 3 tiêu chí	giám cả 3 tiêu chí
	- Giám tỷ lệ tội phạm về trật tự xã hội	%			5%
<b>V</b>	<b>CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH</b>				
	- Tỷ lệ cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu công chức, viên chức phù hợp với vị trí việc làm	%	100	95	100
	- Tỷ lệ cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên	%	70	93,18	100
	- Tỷ lệ công chức cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên	%	100	100	100



TT	Các chỉ tiêu, mục tiêu cơ bản	Đơn vị tính	Đại hội XI, nhiệm kỳ 2015 - 2020			Mục tiêu Đại hội XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025
			Mục tiêu	Kết quả thực hiện	So sánh	
	- Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh theo mức độ 3	%	70	77	Vượt	
	- Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh theo mức độ 4	%	30	24	K. đạt	
	- Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp huyện theo mức độ 3	%	70	81	Vượt	
	- Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp huyện theo mức độ 4	%	20	9	K. đạt	
	- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh theo mức độ 4	%				80
<b>VI</b>	<b>CHỈ TIÊU VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG</b>					
	- Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	%	70	70	Đạt	80
	- Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	%	80	80	Đạt	80
	- Tỷ lệ thôn có chi bộ sinh hoạt độc lập	%	95	97,6	Vượt	
	- Kết nạp đảng viên mới	D. viên	6.000	6.938	Vượt	5.000

